

TÔ HOÀI

GIỮ GÌN 36 PHỐ PHƯỜNG



vh NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC

GIỮ GÌN 36 PHỔ PHƯỜNG

Tác giả: **Tô Hoài**

Thể loại: **Tản văn, Tùy bút**

Nhà xuất bản: **NXB Văn Học**

Đóng ebook: **nguyenthanh-cuibap**

Nguồn text: **Waka - 07/05/2018**

GIỮ GÌN 36 PHỐ PHƯỜNG

Có trách nhiệm với di tích lịch sử mọi mặt ở các nơi đô hội qua các đời là một phong tục đẹp của một dân tộc có văn hóa và truyền thống.

Trên thế giới, hầu như bất cứ thủ đô hoặc thành phố lớn nào nhiều tuổi cũng đều được bảo vệ, trân trọng. Cách Tân Đê-li (Đê-li mới) thủ đô Ấn Độ vài ki-lô-mét là Đê-li cũ, thành cổ Đê-li ngày xưa. Tbi-li-xi, thủ đô nước Gruzia, ở kề bên vẫn nguyên thành cổ Tbi-li-xi phố phường và nhà thờ. Bên trong nhà ở các thành phố chính đã được hiện đại hóa cho thích nghi đời sống hôm nay, nhưng bên ngoài vẫn tầng nhà, màu tường và mặt đường đá tảng từ thời Pie đại đế. Thành phố Vacsava, thủ đô Ba Lan bị phát xít Đức hoàn toàn hủy diệt. Khi xây dựng lại Vacsava, các khu cổ được hồi sinh như trước kia. Kể từ màu gạch đến cái trụ đá trước sân nhà thờ để chống bệnh dịch tả – theo mê tín cũ, cũng được làm lại giống thế.

Trải hàng nghìn năm, di tích lịch sử ở Hà Nội tập trung nhất ở hai khu: Khu thành cũ mà ta quen gọi là “trong thành”, kinh đô từ thời Lý và triều đại về sau; và vùng dân cư ở bọc ngoài thành, từ phố Nhà Hỏa đến ngõ Phất Lộc, từ Hàng Khoai sang Cầu Gỗ, tuy không có mốc giới hạn bao giờ, nhưng có một cái tên chung là khu 36 phố phường.

36 phố phường vẫn đứng yên thế, nhưng cũng lại luôn chuyển động theo thời gian và lịch sử mỗi thời kỳ. Nó là một bảo tàng ngoài trời, bảo tàng ở giữa sinh hoạt thành phố, không tách khỏi đời sống – một lưu niệm sâu sắc ý nghĩa giáo dục truyền thống.

Hà Nội đã phải trải nhiều biến đổi. Khí hậu nhiệt đới tàn phá các công trình, mà các phường phố dân cư thời ấy thường là nhà đất tranh tre. Vua chúa các triều đại triệt hạ nhau. Hà Nội bị tàn phá nặng nề nhất là đến đời Nguyễn. Dời đô vào Phú Xuân, nhà Nguyễn phá hủy Thăng Long để “tiêu diệt thế đất đế vương ở Bắc Hà”.

Nhưng trong nghệ thuật gìn giữ và tôn trọng di tích, trên thế giới và trong nước ta đã có nhiều biện pháp và kinh nghiệm tốt.

Kho tàng ca dao, tục ngữ, bài vè, bút kí của các nhà văn thế kỉ trước và đầu thế kỉ này. Một số tranh, ảnh và sách, tư liệu của Pháp khi mới chiếm Hà Nội. Nhiều câu, nhiều đoạn, nhiều tranh ảnh có thể khơi gợi lại được hình thù, cảnh cũ. Lại còn những tài liệu cực quý, ấy là chuyện nhớ lại của các cụ ở Hà Nội thọ bảy tám mươi tuổi trở ra. Khi xây dựng lại khu thành Vacsava cũ, những tư liệu gia đình và mắt thấy tai nghe này rất quan trọng với các nhà chuyên môn.

Nhà cửa hồi đầu thế kỉ, các khu vực Hàng Gai, Hàng Bài, Hàng Bạc, các ngõ Trung Yên, Nội Miếu bây giờ, cụ Hoàng Đạo Thúy còn nhớ được cái chuôi vồ đầu tường, hòn ngói âm dương, các kiểu cửa lùa, cửa đặng, cửa ngăn, cửa bức bàn và cái số luồn bậc cửa. Những dãy nhà một tầng gác xếp tầng tầng lớp lớp nhấp nhô sóng mái bây giờ vẫn thế. Đó là những nhà dân thường, người buôn bán, thợ thủ công ở tụ hội lại cả họ, cả phường đã thành tên phố: Hàng Đường, Hàng Đào, Hàng Bát Đàn...

Bên những dinh thự và công sở người Pháp xây dựng, nhà cửa khoảng 100 năm trở lại đây còn in rõ cảnh sống thành phố, nhìn nhà, biết tuổi nhà – ở vùng bệnh viện Việt – Xô, nhà khách Bộ Quốc phòng và nhiều phố, trên tường nhà còn thấy đắp nổi con số năm khởi công và năm hoàn thành ngôi nhà. Những hiệu buôn và hàng quán của người Pháp ở Hàng Khay, Hàng Trống, của người Ấn Độ ở Hàng Ngang, của người Trung Quốc ở Hàng Bưởi, của người Nhật ở Cửa Đông, của những người Việt Nam giàu có như nhà Trấn Hưng Hàng Bạc, nhà Cửu Nghi và Lê Thuận Khoát Hàng Bờ.

Chỉ kể một vài tên làm ví dụ. Những nhà hàng cửa hiệu hiện nay còn, chỉ cần biết bảo quản, chứ không đến nỗi phải làm lại theo chuyện kể hay trí nhớ. Mới đây, trung tu công tam quan chùa Thiên Trù trong quần thể chùa Hương Phái nghiên cứu, sử dụng những bức ảnh ngày trước còn lưu trữ ở thư viện Phương Đông tại Paris bên Pháp, khi xây dựng. Khu phố cổ thành phố Plopdip (Bungari) tương tự 36 phố phường của ta, còn giữ được quán ăn và ngôi nhà đồ sộ của một người Do Thái buôn bán lớn đã lâu đời

ở đây, nhà này đi buôn đường Ấn Độ trong phòng trang trí lụa là, chiếu thảm, đồ đạc vùng Trung cận Đông và Nam Á.

Ở Hà Nội, nhiều di tích chiến đấu và cách mạng đã được xếp hạng như di tích lịch sử và nghệ thuật, nhưng còn thật nhiều di tích phổ biến mà trong khu 36 phố phường rất sẵn những cái nhỏ nhỏ chỗ nào cũng có ấy tạo nên không khí, và quang cảnh. Đi trong thành phố Vacsava, thấy cứ ở nơi nào có một trận đánh dù nhỏ và chớp nhoáng, nơi nào có chiến sĩ hy sinh trong thời kỳ Vacsava bị phát xít Đức chiếm đóng, đâu có tượng nhỏ, phù điêu hoặc gắn biển ghi sự tích. Mỗi bước lại gặp cuộc chiến đấu của nhân dân Ba Lan anh hùng. Ở Béc-lin, bên cạnh tòa nhà Quốc hội mà quân đội Liên Xô đã cắm cờ chiến thắng lên nóc, vẫn như trong chiến tranh và có nhiều khu phố, hai bên nhà dân vẫn ở bình thường, nhưng mặt tường nhà để lởm chởm như bị bom phá, và màu tường quét vôi xám nhạt như ám khói, người đi qua vẫn có cảm tưởng về trận đánh khốc liệt ngay giữa dinh lũy sào huyệt của phát xít ngót nửa thế kỉ đã qua.

Những sự việc lịch sử và cách mạng đã xảy ra ở Hà Nội rất phong phú, nhiều mặt. Dấu vết viên đạn trái phá quân Pháp xâm lược bắn thủng tường thành Cửa Bắc. Sử sách còn kể tên những pháp trường Pháp dựng quanh Hồ Hồ để giết hại các nhà yêu nước. Năm 1954, thành phố tìm lại và bố trí mộ các chiến sĩ chiến đấu ở Liên khu 1 hy sinh và phải chôn ngay ở nơi vừa ngã xuống. Mỗi nơi ấy ngày nay cần có bia tưởng niệm, để cho những người tìm hiểu khu 36 phố phường không phải chỉ thấy sự tích anh hùng ở chợ Đồng Xuân, mà thật ra phố nào cũng có, có nhiều. Cũng như phải gắn bia lưu niệm chi tiết hơn nữa về các cơ sở cách mạng hồi bí mật trước Tổng khởi nghĩa, thời kỳ Hà Nội bị tạm chiếm, để cho người bây giờ thấy được hoạt động cách mạng thời kỳ đất nước còn đen tối đã to lớn, đã dũng cảm đến thế nào mới có được ngày nay. Sân gác thượng một nhà in phố Hàng Bồ, ở đây tiểu đội của chiến sĩ Bạch Ngọc Liên đã dùng súng trường bắn rơi một máy bay trinh sát Pháp khi Liên khu 1 đương còn trong vòng vây địch. Đây là chiếc máy bay đầu tiên của Pháp bị bắn rơi trong cuộc

kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta. Ở nhiều bức tường nhà hai tầng phố Hàng Gai còn lỗ chỗ vết thủng, vết đạn, khi hai bên phố là phòng tuyến của ta và địch hàng ngày tấn công sang nhau. Ở hầu hết mọi nhà còn vết tường nhà đã bị phá, để cả phố thành giao thông hào luồn nhà này sang nhà khác khắp 36 phố phường ra tận chốt ngoài cùng. Ở ngõ Phất Lộc, điểm tập trung sau cùng của trung đoàn Thủ đô trước khi rút sang bên bờ sông Hồng, luồn khỏi vòng vây của địch. Cây đa cạnh đền Bà Kiệu còn những vết sẹo và cành gãy, đó là cái cây bị thương vì bom bi máy trận máy bay Mỹ ném xuống quanh Hồ Gươm. Có thể nói, chỗ nào trong khu vực này cũng la liệt dấu vết cuộc chiến đấu cách mạng và lịch sử qua các thời kỳ.

Khu vực 36 phố phường còn nhiều đình, chùa, đền miếu rải rác các phố. Chứng tích đô thị một đất nước châu Á gốc nông nghiệp, dấu đã ra ở đường phố, nhưng tính cách lũy tre làng vẫn được gìn giữ, người ta lập nơi thờ mới hoặc thờ vọng thành hoàng làng ở quê. Cần giữ lại mọi hình ảnh có đặc điểm này, tất nhiên nơi là di tích được xếp hạng (đền Bạch Mã), những nơi khác có thể vẫn ở, vẫn sử dụng bình thường, nhưng phải có quy định không được tự tiện xê dịch, hủy bỏ hoặc tự ý sửa chữa, v.v...

Vùng 36 phố phường có nhiều di tích tiêu biểu xứng đáng. Khách trong nước và nước ngoài có dịp được tham quan cái bảo tàng ngoài trời của thành phố ta qua các thời kỳ. Nhưng khu vực này đang có nguy cơ biến dạng. Nếu không sớm bảo vệ nghiêm ngặt, e đến khi ta có điều kiện tôn tạo, sẽ tốn công tốn sức lắm và có những mất mát không thể tìm lại được.

Số người, số hộ đến ở khu này đông quá mức. Là khu buôn bán cũ, bây giờ vẫn tiếp tục buôn bán – trong tình hình này sinh hoạt buôn bán càng nhiều. Vì thành phố không trông trước được đây sẽ là vùng di tích nên không có quy định gì về người đến, người ở. Hiện các phường Đống Xuân, Hàng Buồm, Hàng Bạc là những phường chật chội, đông người nhất, ô nhiễm nặng nhất, và sẽ còn đông nữa, bẩn nữa. Do đòi hỏi của sinh hoạt, người ta phá nhà cũ xây nhà mới, người ta phải coi nói gác xếp và

lên tầng. Cả đến hai đầu đao mái đền Bạch Mã đã được xếp hạng cũng phải đâm vào cửa sổ một hiệu ăn sát vách nhà. Từ Hàng Đào lên Hàng Đường có lệnh bắt các nhà nhích ra hè phải lui cửa hàng vào như cũ, xem chừng chỉ đẩy vào một hai tấc cũng không phải dễ. Có thể báo động: Tất cả các nhà trong khu vực này, nếu người ta chưa phá đi làm lại thì nhà nào cũng đã sửa chữa cả rồi.

Thành phố phải tổ chức biện pháp giữ gìn, bảo vệ ngay. Trước mắt, chưa có điều kiện tôn tạo, nhưng nhất thiết phải giữ gìn và bắt đầu những công việc sưu tầm nghiên cứu chuẩn bị cho công việc tới. Những vấn đề như số lượng người ở, các nhà xây mới và chữa, chuyện đường sá, cây cối, các đình chùa đền miếu đều liên quan đến công cuộc gìn giữ trước mắt và sau này. Không để tùy tiện buông tuồng như bây giờ.

Hà Nội 36 phố phường. Cái 36 phố phường ấy của thành phố đã hình thành từ Thăng Long nghìn đời không chỉ trên quang cảnh trông thấy, mà đã vào tâm hồn tình cảm con người với biết bao tục ngữ, ca dao.

Xin nói về việc hôm nay chúng ta bảo vệ “Hà Nội 36 phố phường” quý báu đó cho bộ mặt thủ đô cả nước và tấm lòng mến yêu của mọi người trên thế giới khi đã một lần đến thăm Hà Nội.

Có thể tính ra đã hàng chục đề tài nghiên cứu bảo tồn phố cổ với hàng trăm triệu, hàng tỷ đồng đầu tư cho những công tác nghiên cứu này, nhưng vẫn chưa tìm ra một phương án tối ưu được các nhà khoa học, nhà quản lý, nhà kinh tế và giới kiến trúc nhất trí, ủng hộ là thực hiện toàn diện và đồng bộ.

Ngoài ra để chuẩn bị bảo vệ khu phố còn có nhiều cuộc bàn bạc khác của các chính quyền về khu phố cổ 36 phố phường. Hội đồng nhân dân thành phố đã họp chuyên đề quyết định cả đặt mốc giới khu phố. Và hiện nay đang bàn soạn và dự thảo những quyết định chi tiết về thể thức cải tạo, xây dựng trong khu vực này. Quan tâm và làm việc cho một khu phố cổ giữ được sắc thái riêng của nó, là cần thiết, bởi khu phố cổ là một trong những hình ảnh Hà Nội xưa làm ăn, sinh sống, mà tinh thần Hà Nội xa xưa

liên quan tới con người Hà Nội bây giờ chứ không phải chỉ về mặt di tích và du lịch.

Tất cả mọi công việc kể trên đều đương và sẽ thực hiện chứ thực chưa một việc gì đã làm cả. Vấn đề phức tạp và cần đặc biệt lưu ý cấp bách phải giải quyết là ở đây. Bởi vì trong khi đó vùng phố cổ đông đúc, chen chúc đương hằng ngày các nhà dân, nhà thuê của thành phố được sửa chữa, được làm mới như Hà Nội hiện nay ở bất cứ nơi nào, đã mọc lên nhiều nhà cao ba bốn tầng, mỏng mảnh, các cửa sắt kéo đóng khép, các mặt tiền ốp đá rửa... Chẳng bao lâu nữa, vẻ riêng 36 phố phường sẽ biến mất, mà lặn vào, hòa vào Hà Nội nói chung.

Mới đây, tôi có dịp đi dạo trong vùng 36 phố phường với ông Giác Beekac, nhà báo Anh, đặc phái viên Đông Nam Á thường trú ở Băng Cốc của đài phát thanh BBC. Ông Giác nêu câu hỏi với tôi: “Các ông chủ trương bảo vệ khu phố cổ này, giữ bộ mặt Hà Nội khác Băng Cốc, khác Hồng Kông... Nhưng từ này, chúng ta mới đi qua hai, ba phố đã thấy nhiều nhà kiểu mới như các khu phố khác, như ở thành phố Hồ Chí Minh, như Hồng Kông thế thì gọi thế nào là bảo vệ, vì như vậy khu phố cổ rồi sẽ không còn nữa”.

Câu hỏi cũng là một nhận xét và lời phê bình đúng sự thật, thật chua chát và buồn phiền cho người phải trả lời. Nhưng tôi đã trách ông Giác lịch lãm và tôi cắt nghĩa với ông ấy rằng:

“Ông chưa biết và thông cảm hết được khó khăn của chúng tôi. Vâng, những cái ông trông thấy đương làm đau đầu nhiều người có trách nhiệm và thật sự là đi đâu không vui đối với cả những người yêu vẻ đẹp độc đáo của Hà Nội như ông.

Tại sao vậy? Đi đầu trước nhất là nhà ở khu phố cổ này, phần nhà riêng có chủ nhiều hơn nhà do Nhà nước quản lý. Mật độ dân số một cây số vuông ở khu này đông gấp trăm lần các khu khác và vào loại môi trường bị ô nhiễm nặng nhất thành phố. Nhưng di chuyển, tạo thoáng khu vực này đòi hỏi một sự đền bù rất lớn, rất rất lớn và rất phức tạp. Bởi, khu này là

trung tâm buôn bán sầm uất nhất thành phố, nhất cả phía Bắc đất nước. Mỗi tấc đất ở đây giá trị một tấc vàng. Ở đây không thiếu những triệu phú, tỷ phú mới nổi, mặc dầu họ chỉ chen chúc ở một căn nhà chật hẹp, cũ kỹ.

Tất cả nhà cửa ở khu phố cổ đều được xây dựng từ đầu thế kỉ với cách sinh hoạt thô sơ của thời kỳ thành phố chưa có điện, chưa có hệ thống nước máy. Thêm nữa, nhà cửa trong mưa nắng nhiệt đới, mỗi một và đổ nát nhiều. Và lại mỗi nhà hiện nay, phần nhiều vì đã mấy thế hệ, tam tứ đại đờng đờng, con cháu quá đông đúc mà các nơi bếp núc và nhà vệ sinh đều tồn tại từ ngót trăm năm nay, cho nên, sửa chữa hoặc làm lại, làm mới cũng đương là một đòi hỏi vô cùng khẩn thiết, tất nhiên không thể cản được vì là nhà của người ta và trong khi những quy định của Nhà nước, của thành phố chỉ mới thấy các điếu khoản trên văn bản giấy tờ, chưa để ra điếu kiện vật chất và tiền bạc, làm sao ngăn được những chữa chạy hoặc làm mới khá chính đáng của mỗi chủ hộ trong ngôi nhà, trong dãy phố. Ấy là còn chưa kể có thể có những cái bên trong, để được làm ngơ đi, biết đâu.

Tôi cũng như nhiều người hằng quan tâm và yêu quý khu phố cổ 36 phố phường, thực sự băn khoăn không yên. Từ bàn cãi đến các tổ chức, các kế hoạch, bảo tồn, tôn tạo, hội nghị, hội thảo và công phu ghi chép với sáng kiến đã nhiều, nếu thủ đô được giải phóng đã ngót 60 năm thì thời giờ bàn và lo cho khu vực này cũng đã dòng đã ngót 60 năm.

Vậy mà chưa trông thấy cụ thể một việc gì cả. Bây giờ, bước vào đời mới, chỉ thấy ngày và đêm, nhất là về đêm, những vôi gạch, xi măng và vật liệu xây dựng được tải vào đây nhà nhà cứ được chữa, được xây lại một mới giống hệt như ở bất cứ chỗ nào trong thành phố này và các thành phố khác.

Có lẽ chẳng bao lâu nữa 36 phố phường chỉ còn trong ký ức, “Thăng Long thành hoài cổ” đầu bài thơ cũ đã mang sẵn cái đi ăm bu ồm thế rồi chẳng?

HÀ NỘI THẾ KỈ 19

Đó là tên bộ tranh sơn khắc lớn 10 tấm do họa sĩ Thế Khang cùng tập thể 8 họa sĩ am hiểu sâu sắc về Hà Nội xưa và nay thực hiện.

Bắt tay vào công trình này, các tác giả đã công phu nghiên cứu, phát hiện và sưu tập nhiều mặt về Hà Nội thế kỉ trước, một bến lớn trên sông Hồng, có người Anh, người Pháp, người Hà Lan đã tới mở thương điếm, có người Trung Quốc làm ăn buôn bán lâu đời ở giữa đô thị cùng với người Kẻ Chợ. Và cũng với vị trí quan trọng về kinh tế và chính trị, Hà Nội từ ngàn xưa tới bây giờ vẫn là một trung tâm văn hóa hàng đầu cả nước. Bằng sử liệu và bản đồ cũ, đi vào công phu cụ thể chuẩn bị cho sức mạnh sáng tạo, các tác giả đã thống kê được Hà Nội thời ấy có tới trên 200 di tích đền chùa, đình miếu, cầu cống và nhiều di tích khác với hàng mấy trăm phố phường mà 36 phố phường chỉ là con số tượng trưng nơi đô hội phong lưu trù phú mà một thương nhân người Âu – Samuel Baran, tới Thăng Long cuối thế kỉ 17, khi về viết du ký đã so sánh Thăng Long với thành phố sông bên Vơ-ni-dơ nước Ý đẹp nhất châu Âu, nhưng Samuel Baran cho là Thăng Long trên sông nước còn quy mô và thịnh vượng hơn Vơ-ni-dơ nhiều.

Toàn cảnh nơi đô hội bậc nhất ấy, họa sĩ Thế Khang và các tác giả đã bố cục tổng hợp lại trong bức tranh hoành tráng không gian thu gọn những điển hình đặc sắc và đầy đủ, bao gồm 28 phố, 5 ngõ phố, 3 cửa ô, 5 cổng phường, 4 cầu và cầu thương gia hạ tri, 5 chợ, 5 hồ và đầm, 15 ngôi đình, 8 ngôi đền, chùa. Xa xa, bến và sông Hồng san sát thuyền bè xuôi ngược.

Cái đặc biệt và trung tâm của toàn bộ bức tranh đã phơi bày ra trên đường, trên sông, trong nhà, ở chợ, ở các đền, miếu trong các phố phường là cảnh sinh hoạt, làm lụng và vui chơi tấp nập của Hà Nội. Rất Việt Nam, sầm uất nhất bao giờ cũng là những cái chợ và những phố buôn bán. Chợ Cầu Đông buôn thúng bán mẹt tạp phẩm, chợ hàng cá Gia Ngư, Hàng Bè và phố Mói bán tre nứa, củ nâu từ ngoài bến đưa vào, Hàng Đào, Hàng

Ngang phiên chợ tơ lụa người La, Mỗ và Kẻ Bưởi dập diu đeo đẩy hàng qua lại.

Một đám rước, trống chiêng, tán quạt, long đình, kiệu Bát Cống từ đền Bạch Mã ra bờ sông Cái. Ở một phố đông đúc kia, một đám đón dâu tung bùng pháo nổ, ông cụ cầu hương đi trước, cô dâu chú rể giữa đám phù dâu, phù rể xúm xít. Lại kia ở chỗ khuất nẻo một đám ma, cái nhà tang khiêng dọc theo bờ sông, người chống gậy, người lăn đường tiếc thương cản bước đám tang ra khỏi cổng phường đến bãi tha ma.

Rải rác khắp đường phố nhộn nhịp bách nhân bách nghệ, mỗi người một dáng, một vẻ. Kẻ Chợ có khác, lúc nào cũng đông như hội với đủ loại người, hạng người, người gồng gánh, chiếc xe bò đẩy người, kẻ vác, người đội, hàng xén, quán nước, hàng cơm. Thầy đồ dạy học, thầy lang bắt mạch, thầy bói ngồi dưới gốc đề nhà sư ở trong tam quan chùa bước ra, các phố thợ bạc, lò may, thợ mộc, cụ già râu bạc phơi chống gậy đứng đỉnh bách bộ ven hồ, một đám hát xẩm, trẻ con chen chúc nhòm ngó. Một cánh ông quan từ cửa ô vào, có lính hầu cấp tráp đi sau, có lính hầu dọn đường đi trước. Những chiếc cầu tre đong đánh ven hồ, người xuống rửa rau, vo gạo, tắm giặt,...

Có thể nói bộ tranh sơn khắc “36 phố phường Hà Nội thế kỉ 19” là một công trình nghệ thuật như một trang sử biên niên mở đầu cho không biết bao nhiêu bức tranh hoành tráng vô cùng cầu thiết cho lịch sử Thăng Long – Đông Đô – Hà Nội. Trên thế giới, ở tất cả các thủ đô, nghệ thuật hội họa với đặc thù của nó đã làm sống lại giai đoạn của cuộc đời và tinh thần nơi trung tâm đô hội của đất nước. Ở nhiều nước, có những nơi may mắn còn những bức tranh của thời trước để lại, ở những nơi di tích nghệ thuật không còn lại bao nhiêu như ở nước ta thì phải tổ chức dựng lại, nhất thiết không thể không có những công trình nghệ thuật lớn lao này. Và đây cũng không phải chỉ là công trình của một vài người, mà phải là sự nghiệp của một tập thể huy động tài năng sáng tạo và sự làm việc cầu khẩn công phu của hàng trăm họa sĩ và nghệ nhân với một chương trình kế hoạch quy mô

lâu dài.

Sao lại không – và nếu không thì là một thiếu vắng quá đáng không thể nào bỏ qua được, bởi vì chỉ bằng các tác phẩm văn học nghệ thuật đích thực giá trị và xuất sắc mới đem lại cho người Hà Nội hôm nay thấy được tâm hồn, tư tưởng và hành động của con người không bao giờ đơn độc và ngẫu nhiên mà lúc nào cũng gắn bó thiêng liêng giữa xa xưa với bây giờ.

Nghệ thuật sơn khắc có giá trị cao về các thể loại hoành tráng và mang đặc điểm rất Việt Nam mà họa sĩ Thế Khang và tập thể nhóm sáng tạo, thể hiện là thích ứng nhất. Nhưng thực hiện một công trình lớn như tác phẩm “36 phố phường Hà Nội thế kỉ 19” và chắc chắn còn nhiều tác phẩm tương tự qua các thời kỳ của Hà Nội thanh lịch, tài hoa, Hà Nội xây dựng, Hà Nội chiến đấu, đòi hỏi phải được sự săn sóc, bảo trợ thấu đáo.

HỌ LẠI LÀNG NGHỀ LÀM GIẤY SẮC

Phía tây bắc thành phố, một làng dọc bờ sông Tô Lịch từ Bưởi xuống Cầu Giấy, Kẻ Cốt có nghề làm giấy cổ truyền. Ngày nay nhiều ngành giấy không còn nữa, có những thứ giấy hợp tác xã làm theo kiểu mới. Khi kháng chiến chống Pháp giấy in sách báo và gần đây sản xuất giấy đánh máy...

Xin nêu để các nhà nghiên cứu nghề thủ công lưu ý. Một hiện tượng lạ về nghề giấy, tất cả mọi nguyên liệu và dụng cụ để nghề làm giấy đều từ nơi khác đưa đến mà có thứ rất xa. Nguyên liệu chính là vỏ cây dó phải đóng bè đưa từ rừng dó ở Lâm Thao bờ sông Hồng trở lên, dó Lâm, dó Nghĩa Lộ. Làm giấy loại kém bằng vỏ cây bo, cây kính cũng phải tải từ các vùng rừng Bình Tiên, Ba Chẽ... Cây gỗ cho bào ra ngâm nước thả vào “tàu xeo” cho giấy trơn từng tờ ướt bóc ra không dính vào nhau cũng là cây rừng. Ngày nay, các làng người Dao trên Việt Bắc vẫn làm giấy thô sơ bằng các nguyên liệu này. Có thể nghề giấy xuống đây người xuôi mở rộng ra nhưng khởi nguồn từ cách làm giấy của người Dao trên rừng. Các vật liệu làm giấy khác cũng đều của các nơi. Riêng “tàu xeo” ván đóng bằng gỗ ván thôi (quan tài) mua của những nhà cải táng. Người ta bảo gỗ áo quan đã ngâm lâu trong đất vẫn như nguyên là gỗ tốt. Cái rổ đại để đãi bìa, biến “xeo” công nghệ đốt lò bôi dãn. Trên Các, trong Noi xuống tới, các cô thợ xeo phần nhiều người dưới Nam. Mỗi làng làm một thứ giấy khác nhau. Các làng chỉ có một nghề giấy, nhiều “tàu xeo” nhất như ba làng: Yên Thái, làng Đông, làng Hồ. Làm giấy bản, giấy moi viết và giấy in chữ Hán. Giấy bản, giấy moi làm bằng loại cây dó thích hợp tốt nhất. Những năm về sau có pha lẫn bông (bột giấy) của nhà máy giấy của Pháp ở Việt Trì, giấy mềm và đánh mặt nhưng không dai như giấy thuần dó. Người ta cũng làm thêm một loại giấy kém phẩm chất hơn, quét keo da trần nung với phèn gọi là giấy phèn. Giấy phèn để gói đường, kẹo... không bị ẩm ướt rách giấy.

Các làng dưới Cầu Giấy (Yên Hòa) và Cót (Trung Kính) thì làm giấy hãm “tàu xeo” nhỏ chỉ có một tờ. Loại giấy xấu chỉ để lau chùi, kê đệm làm bằng cây bo, cây kính và giấy lèn nhưng không phải lèn bông hay giấy báo thải ở các nhà in trong thành phố mà là giấy vụn, giấy cứng. Đã thành câu ca dao: “Con gái làng Cát buôn dăm buôn xẻ” (Dăm và xẻ là giấy vụn, bìa cứng nhặt ở sọt rác).

Ở vùng Bưởi còn một ngành giấy quý hiếm chỉ lưu truyền trong một dòng họ làm giấy ở xã Nghĩa Đô thôn Trung Nha tục gọi là làng Nghè. Theo phả họ Lại in ronêo 1990 (tài liệu lưu hành trong dòng họ) thì loại giấy này để nhà vua viết sắc phong chức tước cho thần linh hay các quan to. Theo phả họ truyền lại – Lại Thế Giáp làm quan tri châu Lê, kết hôn với quận chúa Diện Châu con chúa Trịnh Tráng. Nhà vua cho họ Lại được đặc quyền sản xuất giấy sắc rừng để cung cấp cho triều đình. Nhà vua bổ nhiệm cụ Lại Phú Vinh làm Đô sứ, phụ Quốc thượng tướng quân. Ngài dựng tên cụ Đô Thịnh Hải để trông coi việc làm giấy sắc này.

Nhà tôi cũng có nghề làm giấy sắc, tôi vẫn được nghe bà ngoại kể chuyện kinh thành Huế, đặc biệt là đi xem các làng phải cỡi vác ra mặc quần trắng thế nào. Nguyên do từ khi nhà Nguyễn dời đô vào Huế thì các nhà sản xuất giấy ở làng Nghè cũng phải đem giấy vào triều đình trong ấy, đến hết đời vua Khải Định. Có nhà thần tên là Tài Ngọc ra đặt các nhà họ Lại làm giấy sắc rồi tải vào Huế, nhưng Tài Ngọc thường chậm trả tiền, có chuyện quyết hẳn. Bà tôi vốn người ngay thẳng và sắc sảo được các nhà làm giấy trong họ cử vào Huế đòi tiền lão nhà thần chẳng bừa.

Từ khi tôi còn nhỏ nhà tôi không còn làm giấy sắc. Hôm vừa rồi đọc hồi ký của Trần Huy Liệu kể chuyện vào Huế tước ấn kiếm của hoàng đế Bảo Đại, trong đó có câu nhắc đến giấy sắc của ông Phạm Khắc Hòe đồng lý văn phòng của vua Bảo Đại. Các nhà họ Lại không làm giấy sắc đưa vào Huế nữa nhưng nhiều nhà vẫn làm giấy gọi là giấy lệnh, bán ra thành phố cho các nhà làm giấy cứng, giấy khoán thờ. Giấy vẫn ngang dọc một thước tư và sáu tấc. Ở “tàu xeo” phải hai người đứng cầm kiềng mới xeo

được một tờ. Giấy quét hộc vàng sẫm, một mặt trước vẽ kim nhũ nên rờng mộc phun mây, in nét hoa văn và vẽ tay hình long, ly, quy, phượng con.

Ngày ngày, tôi ngồi bên ông bà ngoại, trên hai cánh phản ngả xuống tôi vẽ rờng lợn, tôi cầm bút to chấm kim ngũ tô vẩy, tô mày. Khi chiến tranh thế giới lần thứ hai giấy in không còn nhập được, tất cả các làng làm giấy dần làm giấy tương tự giấy bản để in sách báo chống thực dân Pháp độc quyền thu mua. Có những người mở xưởng giấy lớn làm đại lý thu mua giấy cho Pháp như giáo sư Nguyễn Quý Hùng trước dạy trường Bưởi (Nguyễn Quý Hùng sau di cư vào Nam hoạt động chống đối bị Ngô Đình Diệm bỏ tù, có viết một tập hồi ký bằng tiếng Pháp). Bây giờ lại ra đời loại giấy dó. Giấy dó cũng làm như dạng giấy sắc chỉ khác không quét hộc và phải nghề kỹ đến khi nổi vân dó lên. Các nhà xuất bản mua giấy dó để in sách đẹp, trong họ có ông Lại Viện làng giấy nhà tôi là nhà làm giấy dó đẹp nổi tiếng. Thỉnh thoảng tôi vẫn thấy ông Nguyễn Tuân lên nhà ông Lại Viện thưa ấy. Có hôm tôi gặp Hoàng Trọng Miên và Chế Lan Viên vào mua giấy nhà ông Lại Viện. Lần đầu tiên ấy gặp Chế Lan Viên, sau này tôi kể chuyện anh mặc cái áo sơ mi lụa mỡ gà, Chế Lan Viên lấy làm lạ và buồn cười vì cái trí nhớ oái oăm tự nhiên của tôi, thường mơ hồ nhớ lâu màu sắc, công việc và con số. Mấy năm trước, có những lúc vui chuyện Nguyễn Tuân bảo tôi hôm nào tiện rủ ông lên chơi nhà ông Lại Viện. Bây giờ cả hai ông khuất núi cả rồi. Hồi ấy cũng lưu hành một thứ giấy dó xập không bền và dai như giấy dó của nhà họ Lại, trờ cứng trắng mịn. Giấy này soi lên không nổi vân dó mà có hình một dòng chữ Pháp “Giấy Hoàng gia An Nam”. Giấy này do một người Pháp, bác sĩ Picoman sáng chế. Ông bác sĩ này lập xưởng giấy ở Thái Hà. Vẫn lối thủ công “tàu xeo” nhưng bấm nan đờng và ép bằng máy khí không “cây ép uốn” xếp đá và giấy bở điện chứ không “can” vào trong “bờn”. Nhiều người không tưởng loại giấy này của ta sản xuất nhưng sự thật là như thế.

Ở Nhật Bản, Nhà nước vẫn bảo hộ duy trì những xưởng giấy in giấy thời cổ. Giấy này để in những sách đẹp, để lưu lại, để bán cho những người

chơi sách. Giấy dó bền và đẹp không bao giờ rách bởi vì mặt giấy, vân giấy là sợi vỏ “nghe” ra. Những tờ sắc ở các ngôi đình còn lưu lại từ thời Lê, thời Tây Sơn và trước nữa đã chứng minh cái đẹp và cái bền ấy.

ĐẦU XUÂN BÓI CHÈO

Xuất hành đêm Xuân vào Câu lạc bộ đoàn chèo Hà Nội. Xin khoe ngay: Mua vé ba nghìn đồng cẩn thận nhé. Và ngồi hàng hoàng giữa chiếu, như chiếu chèo làng xưa.

Khách xem chỉ khoảng bốn, năm chục người. Những người có tuổi vừa xem, vừa móm mém gặm nhấm kỷ niệm. Trước mặt tôi, một cụ bà lấy khăn thấm nước mắt lúc xem đến chỗ Dương Lễ tiễn vợ đi nuôi bạn thay chồng – Dương Lễ hát điệu “quân tử – vu địch” khó nhất và hay nhất của nghệ thuật chèo. Nhưng không phải khán giả chỉ có mấy người cao tuổi. Đông nhất vẫn là các bạn trẻ, đi một mình hay dập dìu tay đôi...

Trích đoạn các vở: *Tấm Cám*, *Kim Nham*, *Lưu Bình – Dương Lễ* và hát ả đào, chầu văn, quan họ. Toàn những diễn viên chèo bậc nhất Hà Nội. Hôm ấy có Quốc Chiêm, Xuân Hanh, Mạnh Thường, La Anh, Thúy Mùi, Xuân Hinh, Bích Hạnh. Trên mà ra vai nào, dưới này đọc tên vanh vách, lại khen chê và bình phẩm dạo này ai gầy, ai béo, có lẽ cậu ấy phải ngoài năm mươi, cái mắt phải gió vẫn lẳng thế...

Tôi không thạo được như nhiều người quanh tôi. Rõ ràng, chèo vẫn có một giới xem thật mộ điệu.

Các thứ trống – cả trống cơm bập bùng và tiếng phách, tiếng nhị thật khơi gợi. Riêng tiếng đẽ rời rạc, hơi yếu. Tiếng đẽ phải xô lên và sắc sảo tác động như một nhân vật, một nhân vật tập thể nâng vai diễn. Hát văn nên công phu tìm hiểu từ gốc các bài chầu văn cũ hơn là cải biên sang các làn điệu khác. Nghệ sĩ hát văn, hát ả đào rất hay. Nhưng với hát ả đào, nên chọn những bài và điệu tiêu biểu, như *Tỳ bà hành* – khổ hát trung tâm của đêm hát xưa kia.

Cái chính là vui và cảm ơn Câu lạc bộ đoàn chèo Hà Nội đã cho tôi một cuộc xuất hành đầu năm tốt lành.

Khuya trên đường về lại bán khoán. Nhiều đoàn nghệ thuật truyền thống (tuồng, chèo, rối) đương vấp phải những khó khăn về bước phát

triển cũng như về đời sống vật chất. Nghĩ xa nghĩ gần về cái đẹp của thành phố, tôi lo. Đây chỉ là “kiếm thêm”, mỗi tối Câu lạc bộ bán hết vé cũng thu được chẳng bao nhiêu. Đã đành, còn hơn ng ữ không. Sao mà nó thảm thế nào ấy. Nghệ thuật dân tộc mà lại đến phải kêu cứu dưới đáy thế ư?

Ở thủ đô Tân Đê-li nước Ấn Độ, ở thủ phủ Cancutta bang Tây B ăng-gan tôi đã được thấy buổi tối đẹp trời, một số đường phố chính trong thành phố, xe cộ đ ầu bị cấm đi lại. Các đoàn nghệ thuật dân tộc tới biểu diễn tràn lan như mở hội. Thứ ăn chơi của nước ngoài thật r ầm rộ ở các khách sạn. Một điệu van-xơ lả lướt, một đám lambada cu ờng nhiệt mặc sức. Nhưng trong những khu vực nhất định không lẫn lộn với những nơi vui chơi của những điệu nhảy, điệu múa, điệu hát Ấn Độ.

Ở Ai Cập cũng vậy, các khách sạn sang trọng, trong đó có khách sạn Niu Hin-ton của Mỹ và các du thuyền tuyệt đẹp đưa khách từ cảng A-lếch-xan-đria vào thăm Kim Tự Tháp, có thể tưởng như cả châu Âu đến chơi bời ở dọc bờ sông Nin. Nhưng trong các phố trung tâm và quanh các đ ền đài thủ đô Lơ Ke, tưng bừng tiếng trống, tiếng hát của trẻ em, của thanh niên Ả Rập. Vẫn là hiện đại mà vẫn là cái riêng ở mỗi hoạt động nghệ thuật của dân tộc.

Cách đây ba năm, một đêm ở Tây Béc-lin nước Cộng hòa Liên bang Đức, các bạn đạo diễn Đình Quang, Dương Ngọc Đức, Nguyễn Đình Nghi và tôi đã được dự một buổi biểu diễn đặc biệt mà cũng thật bình thường. Kịch của tác giả lớn Chi-lơ – sân khấu nhỏ của một nhà hát xây trong lòng đất và chỉ bán 30 vé mỗi tối. Kịch Chi-lơ cổ điển, tạm ví khác nào những tích trở của tu ờng và chèo của ta đã được lưu truyền đến bây giờ. Nhưng qua mỗi thời đại, người xem đ ổi khác. Tôn trọng tinh hoa dân tộc, Nhà nước đã can thiệp ngay vào sự thưởng thức. Sự can thiệp đẹp đẽ và cần thiết biết bao. Kịch Chi-lơ vẫn diễn cho ai thích xem và những người xem chọn lọc. Nhưng đoàn kịch không phải lo doanh thu. Những nghệ sĩ toàn tâm toàn ý phát huy tài năng, bảo t ồn nghệ thuật dân tộc, không phải lo sốt vó để kiếm sống.

Đêm diễn kịch Chi-lơ trong nhà hát dưới hòm kết thúc bằng một cuộc ăn nhẹ và uống bia hơi – chúng ta đều biết người Đức thường tự hào bia Đức nhất thế giới. Các diễn viên trên sân khấu vẫn nguyên son phấn và xống áo biểu diễn uống với khán giả, cùng mọi người kê lại bàn ghế và hồi hả bung bê như những tay nhà bàn chính hiệu. Rồi cùng ngẩng vào chè chén và trò chuyện với khách xem. Vui hết sức.

Nghĩ người mà ta xấu hổ. Không phải ngượng vì mình nghèo túng không có tiền mua bia. Mà xấu hổ vì cái cạn nghĩ và cái vô trách nhiệm của mình. Thử tưởng một khách nước ngoài buổi tối dạo quanh Hồ Gươm, khách có trình độ văn hóa, khát khao hiểu biết Việt Nam. Từ một đêm Hồ Gươm ấy, khách thấy gì? Khách thông thả bước trong đêm Hà Nội dịu dàng, bóng nước in hình thành phố mà khách yêu thích. Nhưng bên đường phố chỉ thấy các nhà hàng chiếu vi-đê-ô phim Hồng Kông, Đài Loan không đáng khách để mắt. Và những sàn nhảy. Không phải người ta ở châu Âu, châu Mỹ và ngoài châu Đại Dương đến đây để vui nhảy. Nếu có đôi chút tò mò, ngó vào một sàn nhảy nào đó chắc người ta phải nhăn mũi, bước ra ngay. Nhếch nhác quá, mấy cái đèn bọc giấy bóng đỏ. Hôi quá, các đôi nhảy quần áo xốc xếch và những đôi dép không quai trên sàn bụi. Đám nhảy của người lang thang đờng cở, sa mạc, rừng rú đâu đâu...

Trong khi đó, cái Câu lạc bộ chèo truyền thống, khiêm tốn và tha thui ở một phố hẻo lánh. Mà ấy là sáng kiến làm ăn của các nghệ sĩ chứ cũng chẳng phải ai khuyến khích, chăm sóc. Có khó gì đâu, chẳng qua chỉ là chưa biết lo đến cái tổng thể nghệ thuật đất nước đương mỗi mìn.

CHỢ ĐÔNG XUÂN XƯA

Vợ chồng nhà này cũng như bao nhiêu trai gái thuở ấy lấy nhau tương tự thế.

Có hai bác cu li quét chợ Đông Xuân. Phu quét chợ được ăn lương tháng đã là công việc đi làm Nhà nước nhiều người ao ước mà không được. Bây giờ phu quét chợ không còn cần đến cả mấy chục người như cái năm chợ mới xây xong nữa. Hội cưới chợ Đông Xuân 1891. Bởi khi đó thành phố đã có máy nước, chủ thầu bỏ cái chổi tre cán dài. Nhiều người quét chợ bị mất việc, nhưng ai được giữ lại làm thì lương cao hơn.

Cứ năm rưỡi mùa rét, sáu giờ chiều mùa Hè, những cái chuông đuổi chợ treo trên góc các mái tôn cầu chợ long cong, reng reng reo lên điếc đing tai. Những người cu li hần hần cời trần lòi cuộn vòi rùng trong kho ra, xả nước tung tóe trước nhất vào dãy hàng gà vịt, cua cá – những gian chợ hôi hám bùn rác hơn cả.

Người đi chợ, người bán hàng, ai còn dùng dềng chậm chân đều phải ù té chạy tránh những vòi nước tia ra phần phật, rào rào. Cu li kéo rê vòi nước phun đuổi, vừa rửa chợ, vừa đuổi chợ. Các bà, các chị chạy xô cả tóc, ướt sườn sượt cả quần áo mới chui ra công được.

Bác cai chợ vác chùm chìa khóa và xích sắt trên vai – như những cái cùm khóa cửa ngục âm ti! Bác cai chợ lần lượt quàng xích khóa hai bên cửa lách sang Hàng Khoai, sang phố mới rồi khóa ba cái cửa giữa đằng trước. Ai chậm chân quá, lúc cái khóa, cái xích đã lách cách mới quàng quàng đến, phải van lạy đút cho bác cai chợ vài ba xu mới được thả cho ra.

Những vòi nước vẫn xối xả khắp nơi cho đến tám giờ tối. Dần dần chỉ còn các cầu chợ trơ lại những cột sắt chi chít dưới vòm khung mái tôn vắng tanh, ướt nhoáng bóng điện.

Những người phu mệt lử lả lại cuộn vòi rùng cất vào kho rồi bước ra công chợ, sà vào quán rượu ngay giữa đường, tợp đôi ba chén sông cho lại sức.

Hai bác cu li ấy thân nhau, những hôm khềkhà hơi cay, đã hẹn gả con cho nhau. Những đứa trẻ trong nhà nhón nháo lên. Người con gái đi cắt chề tươi các đũa chề trong Chương Mỹ về bán rong ở chợ và bán chề đưa thúng. Người con trai được ăn học vài năm rồi xin vào làm sở lục bộ. Anh ta cầm cái bút, khác bố cầm cái chổi, vác cái vôi rờng quét nước rửa chợ. Những thời ấy, người ta hay tôn nhau lên, chẳng biết công việc thế nào, nhưng đi làm Nhà nước, thế là đã oách rồi, xóm riêng cứ gọi đội lên là thầy ký, thầy tham, thầy xếp,...

Giữ lời đã hứa, thế là đám cưới.

Nhưng chẳng ai muốn nhớ đến thân phận cu li cu leo quét chợ Đổng Xuân của đời các ông bố. Nhớ có người tọc mạch còn sầm mặt lại, về không bằng lòng.

ÁO TỨ THÂN, ÁO ĐỐI VAI

Xin lưu tâm các nhà thời trang hôm nay.

Những mẫu áo tứ thân, năm thân đang được hiện đại hóa thành bốn mảnh, năm mảnh màu sắc thướt tha lung linh trên sân khấu biểu diễn thời trang ở trong nước và ở Nhật, ở Thái, ở châu Âu. Thật hãnh diện.

Áo tứ thân, áo năm thân là bốn, là năm thân áo, tà áo gốc gác ở cái áo dài phụ nữ trong làng ngoài phố từ thuở xưa. Thời ấy, khổ the, khổ vải hẹp, vạt trước vạt sau phải khâu ghép hai khổ, hai vạt hai thân áo, bên nách trái còn một vạt là vạt con năm thân là thế cũng dài một khổ vải. Về sau, ông phó may cắt ngắn vạt con gọi là trốn vạt, rồi bỏ hẳn.

Còn một kiểu áo dài, gọi là áo đối vai. Bây giờ không thường thấy, nên nhiều người lẫn lộn áo bốn thân, năm thân với áo đối vai.

Không, áo dài đối vai khác áo tứ thân. Áo đối vai được mặc nhiều nhưng thường lứa tuổi thanh thiếu niên, người bán hàng, người đi buôn quẩy gánh mặc khi đi chợ và trong làng quê nhiều hơn. Các bà các chị sang trọng không mặc áo đối vai. Lý do đối vai lúc đầu chỉ là cái áo mặc đã lâu, dẫu dãi gồng gánh nhiều bị sờn vai, lác vai, mà dưới vạt thì còn nguyên, cho nên lấy vải mới khâu đối vai áo cũ. Thế nhưng cái áo đối vai của cô gái không chỉ vì áo bạc, áo rách mà cũng còn để làm duyên, làm đẹp thì ở cả mọi lúc của tuổi đương thì. Cho nên, miếng đối vai là vải mới, màu nâu non hoặc màu gụ, không dùng the thâm, vải thâm mà là vải nâu non, lụa nâu. Và không phải chỉ đối một miếng trên vai, mà đối nửa thân áo, có khi đối cả hai vai hai nửa thân áo, thành cái áo hai màu. Áo đối vai một bên, thân áo so le cao thấp. Cái so le cố ý này cũng lạ, bởi vẻ đẹp cổ xưa thường thích đăng đối, đều đặn. Nhưng cái so le này có một dáng và làm duyên riêng, nó đi đôi với hai vạt trước thắt quả găng. Có những cô “chơi chùa” ngày hội hay hôm rằm lên chùa mặc áo đối vai diện cái so le này.

Áo đối vai có thể dễ gợi ý trong sáng tạo thời trang.

ĐẶT TÊN LINH TINH

Bây giờ ngoài phố xá và các quán ăn uống xô bồ, ào ào, gặp chẳng hay chớ. Và như cái biết ăn biết làm của người ta, ngoài đường hay trong cửa hiệu lịch sự, thực ra cũng như nhau, thế cả.

Chẳng nói cá nhà hàng sang trọng bây giờ làm điệu bày ra món ăn dân dã cho lạ mắt. Xúp cua (với ngô Mỹ, người ta bảo ngô của Mỹ cũng bổ, đã xúp ngô lại bàn nào cũng bày một đĩa ngô Mỹ xào). Bên cạnh, bát canh cua, rau muống luộc, nước luộc vắt chanh, cà pháo. Và uống nước với, nước chè tươi, bằng bát.

Nhưng ít ai biết thịt bò, thịt lợn, thịt gà, các thứ cá bây giờ đều xuống cấp. Thịt bò, giò heo, con chim cu, chim ngói, con ếch, con lươn đều gầy guộc không mỡ màng nữa. Bởi vì tất cả con vật đều nuôi trong nhà, trong lồng, trong hang, trong bể và đồng loạt nuôi bằng cám trứng và cám trộn đường hóa học như gà công nghiệp nuôi đồng loạt. Cá trắm, cá chép thì cho ăn cỏ mật gọi là trắm cỏ, chép cỏ. Chim ngói, chim bồ câu nhỡ cám trứng tốt tuốt. Cho nên con chim, con cá có phồng phao lên như gà, dày thịt nhưng không mỡ. Đến con đà điểu ở Sơn Tây nuôi thử người ta cũng cho tập ăn cám trứng.

Đến thức ăn gọi thành tên ở cửa hàng cũng gọi cho lạ, cho hay hay. Người ta kẻ bảng to tướng: Vịt cỏ! Vịt cỏ! Mà chẳng biết vịt cỏ là vịt gì.

Người thành thạo về thức ăn thì vịt đàn, vịt cỏ là giống vịt hạng bét, bé loét choắt, hôi hám. Vịt cỏ là vịt đàn, chỉ khi nào các cánh đồng đã gặt hái xong, cánh đồng quang người ta mới dong vịt ra ruộng cho nhặt hạt thóc rơi thóc vãi và cả cỏ nữa, mới có tên là vịt cỏ.

Vịt cỏ là như thế, còn như vịt bầu thì khác. Ngày trước chỉ có chợ Bến gần chùa Hương mới có giống vịt quý ấy, cũng có bán ở chợ, nhưng hiếm, giống vịt trắng đi lạch bạch xệ bụng. Vịt quay ở cao lâu Hàng Bưởi hay ở đặc sản vịt quay Quảng Sinh Long đều mua thừa vịt bầu chợ Bến. Bây giờ cho vịt cỏ lên ngôi và gọi bừa là vịt cỏ, cho lạ. Cũng còn may chưa đến nỗi

gọi con ngan là con vịt Xiêm.

Lại còn đặt tên lung tung chẳng cần gốc rễ thế nào. Có một dạo đi qua khu phố cổ nhìn lên thấy một cửa hàng bày biện như hàng bánh cuốn, hàng miến gà, trên treo bảng: Bánh xèo A Phủ, lại cũng thấy có lò than có khói, có người quạt, có người ăn lúi húi.

Lạ quá, tôi cũng định tạt vào xem nó là cái hàng quà gì. Có lẽ ông bà nào nhớ kỷ niệm miền núi Tây Bắc về đây mở hàng phở chua lại gọi tò mò bằng việc đưa cái hình ảnh nhân vật A Phủ trong tiểu thuyết của tôi vào chẳng?

Nhưng chưa đến tìm đã thấy cái hiệu Bánh xèo A Phủ biến mất, thế là không nhớ không tìm ra, như con hồ ly tinh trong truyện Liêu trai của Bồ Tùng Linh. Chắc là nó ế quá, biến mất, chẳng có người tìm ra.

Nhưng mà con vịt cỏ tôn lên làm con vịt bầu là cái sai không hết, cái bánh xèo A Phủ là một cái tưởng tượng ngây thơ, còn cái bảng Câu lạc bộ Ha Le ở bờ hồ Thiệu Quang thì ta gọi tên lãng nhăng hay là cái sai gì?

Ha Le không phải là tên hồ mà tên hồ là Thiệu Quang. Nó là tên một thằng Tây, thời Pháp thuộc, thằng Tây này là quan thuộc địa được cai trị thành phố Hà Nội, đến khi nó về hưu quan thầy nó ban cho nó cái tên phố (phố Halais), bây giờ ta gọi là phố Nguyễn Du. Các từ điển tên phố ngày trước và bây giờ đều nói rành rõ sự tích tên Tây, tên ta như thế.

Tây chết bẫy đời rồi còn để lại mưu thâm. Ta không biết đặt tên Câu lạc bộ Ha Le là tôn vinh chỗ ăn uống nhảy nhót, chỗ chơi bời của chúng nó chẳng?

ĐẶT TÊN PHỐ

Các phố đương được đánh số lại và chỉnh đốn việc đặt tên phố.

Tên các danh nhân lịch sử (như Lạc Long Quân, Âu Cơ, Ngô Quyền...), những người nổi tiếng (như Trường Chinh, Nguyễn Công Hoan, Đặng Văn Ngữ,...) do giá trị cống hiến của sự nghiệp các vị mà việc chỉ, bàn bạc và quyết định đề nghị lên thành phố đặt tên đã được tham mưu của các ban chuyên môn thích ứng.

Nhưng đặt tên phố qua các vùng, các làng, có nhiều đường phố và ra các quận, các thị trấn mới, mà giữ lại địa danh của nơi ấy để đặt tên phố thì cần phải bàn thêm.

Những tên phố về loại này các nhà chuyên môn nhất thiết phải tham khảo các cơ quan, các tổ chức đoàn thể, nhất là hội người cao tuổi và nhân dân ở nơi có đường, có phố đi qua. Bởi vì những tên làng, tên sự tích ở đây đã ra đời có khi cả nghìn năm qua và bà con nhiều người, nhiều nhà đã sinh sống cả đời, cả mấy đời trong làng. Được tham khảo ý kiến của những người đã thông thuộc lâu năm để cân nhắc thì cái tên mới là của người ta và đích đáng được chấp nhận.

Không thể đặt một cái tên lấy từ tên địa phương mà rồi có tình trạng địa phương ấy thờ ơ hoặc tặc lưỡi cười thăm. Khiếm khuyết như trên đã có một số bài phản ánh và góp ý kiến đăng báo Hà Nội Mới về số tên phố, tên đường mới ra ngoài thành cũ.

Ví dụ tên phố: Phố Thụy Khuê quận Tây Hồ Làng Thụy Khuê chỉ dài chưa được nửa đường Thụy Khuê (3.200m) hiện nay, còn nửa đường tiếp theo cho đến chợ Bưởi qua bốn làng khác là Hồ Khẩu, Đông Xã, An Thọ, Yên Thái. Hiện nay, đường vào bốn làng này đều cấm biển phố Thụy Khuê rồi ghi con số tên ngõ ở dưới.

Đặt tên phố như thế trái với thực tế và không được sự chấp nhận của người các làng trên nửa đường này. Nên đặt là phố (hoặc đường) Bưởi vì bốn làng này là các làng vùng Bưởi (xưa nay không có làng Bưởi mà chỉ

có vùng Bưởi, mà bốn làng trên đầu ở trong vùng Bưởi và nay thuộc phường Bưởi). Tất nhiên, không phải tên làng cũ nào cũng được giữ lại một khi chỉ có vài trăm thước phố qua làng. Trong trường hợp này, phố Thụy Khuê có trên ba nghìn thước mà quá nửa sang địa phận khác. Có một đạo, người trong phố không công nhận phố Thụy Khuê đã tự động treo biển là phố Yên Thái. Vậy nên gọi ngót hai cây số đường này là đường Bưởi mới thật chính xác.

Trong khi đó, đường Bưởi lại được đặt tên bắt đầu từ chợ Bưởi xuống Cầu Giấy. Đường này ngày trước là ở các làng trong đ̣n, không có xóm ven đường và chẳng dính đến địa danh hành chính cũng như các làng nghề vùng Bưởi. Đường ấy có thể đặt tên là đường Cầu Giấy (vì đi xuống Cầu Giấy) hoặc đường Đâu Đông, đường Cống Vị, vì ở quãng giữa đường xưa có di tích dân gian hai tên trên chứ tên là đường Bưởi mà không liên quan gì đến địa phương này thì chẳng có giá trị gì về tên cũ cả.

Về tên các phố trong khu phố cổ (36 phố phường) cần được khôi phục tối đa, nếu không nói là tất cả. Bởi mỗi một tên phố ngày trước đều có giá trị điển tích và quang cảnh, giá trị, như một đình đền, một cây cổ thụ, một ngôi nhà, nhìn tên mà hình dung lại.

Các phố Hàng Dẹp (đầu phố Hàng Bò), Hàng Tiện (đầu phố Hàng Gai) là những nhà và cửa hàng có nghề tiện và bán dép, guốc. Phố Hàng Nâu (cạnh Ô Quan Chưởng) bán củ nâu để nhuộm váy, áo. Phố Hàng Cháo (còn để tên đến ngày nay) bên Văn Miếu có ý nghĩa rất vui. Người phường phố thời ấy ăn điểm tâm cháo hoa, phố Hàng Cháo cạnh Văn Miếu, có thể các thầy đồ sáng sớm đến Văn Miếu nghe bình văn, vào Hàng Cháo húp bát cháo muối lớt dẻ. Phố Hàng Lọng hay là phố Hàng Tàn (Cái lọng, cái tàn) người Việt Nam hay tránh những tiếng gở (lụi tàn) nên chỉ gọi phố Hàng Lọng. Phố Hàng Mụn bán mụn vải vá áo, quần. Phố Hàng Phèn còn để tên đến nay, nhưng chắc chẳng ai biết. Thuở trước cả thành phố ăn nước sông Hồng. Quầy nước ngoài sông về nhà nào cũng mua phèn về đánh cho cát đục lắng xuống. Cho nên phải có cả một phố bán phèn cho phố phường.

Các tên phố cổ vẫn còn giữ được, nhưng cũng nhiều tên phố đã mất. Cần khôi phục lại cho đời sau chỉ trong cái bảng tên phố cũng hình dung được quang cảnh 36 phố phường ngày xưa.

Những việc trên không khó, không tốn kém mấy, tham khảo các địa phương có phố qua làng và khôi phục các tên phố nghề, phố có di tích, chỉ cần lưu tâm tổ chức thực hiện và thay vài cái biển tên phố.

NGƯỜI THỦ ĐÔ

Trong những cuộc thảo luận, tranh luận quanh vấn đề nếp sống mới ở Hà Nội, đôi khi thường nghe nói, nghe hỏi: Mình đâu phải gốc gác ở thành phố này; thử xem thế nào, nên phân biệt những cái tiêu cực này đâu từ Hà Nội, đâu là người ta tha đến. Thế là mặc nhiên có người cho rằng phải là quê gốc ở đây mới phải chịu và phải gánh mọi trách nhiệm về những cái hay cái dở nọ của Hà Nội.

Phân tích và nhận xét phiến diện như trên không đúng với thực tế và đặc điểm hình thành dân cư và con người ở vùng đất trung tâm từ thời dựng nước. Nói gốc gác Hà Nội, phải nhìn theo tầm bao quát nghìn năm Cổ Loa, Thăng Long, Đông Đô, Hà Nội. Ở nguyên một vùng trời đất ấy, đã tụ hội bốn phương lại, sự kiện lịch sử cũng như truyền thống này đã được ghi: chốn ấy là “chỗ bốn phương hội họp” trong *Chiếu dời đô* năm 1010 của Lý Công Uẩn, thủ đô nước nào cũng vậy, không có ngu ồn gốc định cư đồng loạt như mọi địa phương.

Từ xa xưa, theo bước chân chuyển biến của tình hình mỗi thời kỳ lại có những lớp người khác nhau từ các nơi đến Hà Nội. Trong các triều đại phong kiến, người làm nghề thủ công lên kinh thành do người ta tự đi rỗi đất lành chim đậu lập nên phường phố, hoặc do vua quan bắt về hành nghề phục dịch nơi đế đô. Bây giờ vẫn có thể nhận ra dấu vết bộ mặt tứ xứ ấy ở tên đất, ở nghề nghiệp, ở dòng họ, ở giọng nói... Ở ngoại thành, các làng cạnh nhau mà làm nhiều nghề khác nhau, giọng nói thật khác nhau từng thôn, từng làng, như ở Bưởi, từ Sài, Bái lên Đông, Hồ xuống Nghĩa Đô giọng nói khác nhau và người nhiều vùng ở Đan Phượng, Thạch Thất, giọng nói còn lạ nữa.

Có phải vùng này ngày xưa từ binh Chàm ở rỗi dần dần Việt hóa? (Sử sách ghi: Họ Công ở Phú Gia, Phú Xá vốn là người Chàm được vua cho đổi họ). Có phải vì nhà quan lại với họ hàng, với gia nhân, lính hầu ngày ấy đến kinh đô rỗi ở lại, không trở về nguyên quán, như các chi họ Phan

Huy, Nguyễn Huy, Hà Tôn... và rất nhiều nữa, gia phả còn ghi nguyên quán.

Từ Cách mạng Tháng Tám 1945, Hà Nội lại trải đổi nhiều phen về hộ khẩu, về người đến. Chỉ kể những đợt điển hình. Cán bộ quê khắp nơi về thủ đô công tác và định cư trước đây, khi Pháp trở lại tạm chiếm Hà Nội, cũng có một xáo trộn đáng kể: Người vùng du kích, vùng trắng, vùng tranh chấp chạy vào ở nội thành. Từ 1954, người ở Tân Đảo, Thái Lan về đồng bào và cán bộ miền Nam tập kết ra nhập cư Hà Nội. Thành phố luôn luôn được bổ sung. Kết quả sự pha trộn ấy hình thành tính cách người và cả giọng nói, tiếng nói. Tiếng Hà Nội có giọng rành rõ, tiếng thủ đô không giống tiếng bất cứ vùng nào. Những năm gần đây, đến ở Hà Nội khá đông người quê Thanh Hóa và Nghệ Tĩnh, nhưng các lứa tuổi trong các gia đình ấy, giọng nói khác dân quê gốc rồi hòa vào giọng Hà Nội.

Do tính cách trên, có thể đề ra một định nghĩa: Người Hà Nội là những người đương ở Hà Nội, mỗi chúng ta đương sinh sống ở Hà Nội, bất kể đã mấy đời hay mới mấy tháng, đều là một nhân tố và sức mạnh tạo nên đời sống thành phố với tự hào và trách nhiệm đầy đủ.

Từ cơ sở quan niệm này, có thể nhận ra đặc điểm Hà Nội, là sự pha trộn mọi tính cách tạo nên một tính cách, là cuộc đấu tranh hình thành và phát triển, khẳng định Hà Nội. Cũng như vậy, công cuộc xây dựng con người mới ở Hà Nội thông qua sự vật lộn thắng bại từ tư tưởng, hành động tới cách cư xử mỗi việc, mỗi suy nghĩ và mỗi lời nói.

Hãy xem xét cuộc vun đắp từng mặt từng hoạt động trong xây dựng nếp sống mới ngoài xã hội, trong gia đình của thành phố.

Việc tang ma có tính xã hội tỏ rõ tình cảm và nhân nghĩa hiếu thảo của con người văn minh. Chúng ta giữ gìn và phát huy tinh thần ấy bằng phong tục mới. Các hội Thọ, hội Bảo thọ, hội Lão, hội Vui tuổi già... của nhiều tỉnh và của các xã, phường ở Hà Nội, đây là những nhân tố mới xây dựng phong tục mới.

Về nếp sống mới trong việc cưới cũng thế. Thảo luận và thậm chí lên

án nữa, nhưng nếu không tổ chức thực hiện quy ước mới thì cũng chỉ là nói để đầy, một khi xã hội công nhận tính xã hội, tính pháp lý trong tổ chức kết hôn. Việc cưới xin được chỉnh đốn tổ chức thích hợp sẽ thực sự phát huy phong tục theo hướng mới. Hà Nội đang xây dựng lại nền nếp về lễ cưới mà các đoàn thể và chính quyền phải có trách nhiệm kỷ lưỡng từ tờ giấy đăng ký đẹp, tổ chức lễ ký trang trọng, làm sao cho vừa thân mật vừa thiêng liêng, có được kỷ niệm sâu xa của đôi lứa đối với xã hội và với bản thân.

Mê tín dị đoan đang lây lan vào các góc ngách tâm lý phức tạp, nào kiêng ngày lễ, ra đường đón ngõ, nào gieo quẻ xin âm dương. Chẳng phải chỉ có lễ thánh của dân phe dân phò cầu phát tài, mà còn cả thanh niên cũng đi “lạy thánh mớ bái” cho thi đỗ, cầu xin được việc làm, cầu Phật phù hộ khỏi phải đi đâu xa “đất thánh” Hà Nội. Đặc biệt là trong kinh tế đang qua bước gay go, chợ đen và buôn bán trao tay lén lút làm nảy nở đời sống thị dân kiêu cũ. Người buôn bán hàng ngày hỡi hộp hóng tiền và lo hàng ế, lo trốn thuế, tính chuyện ăn gian nói dối, tâm địa cực đĩ bại. Ở những người làm giàu bất chính phát ra ảnh hưởng xấu và hủ tục mê tín dị đoan được cơ hội góc dậy. Cuộc đấu tranh chống tiêu cực trong kinh tế hoàn toàn không tách rời cuộc chạm trán liên tục, lâu dài, quyết liệt về mặt tư tưởng, không thể chỉ là công việc của một tổ chức chuyên trách, mà phải là một hoạt động đồng bộ của toàn dân và trên tất cả các lĩnh vực sinh hoạt và đời sống.

Cuộc đấu tranh chống tiêu cực về kinh tế cũng đồng thời là cuộc đấu tranh về nhận thức, về xây dựng tư tưởng. Trước tình hình hiện nay còn nhiều khó khăn, trước nhất là những khó khăn về kinh tế, nhưng một khi cuộc đấu tranh vượt được qua mọi thử thách, sẽ quét sạch được tận gốc mọi thói tục thị dân cũ, kể đến cả những cái cụ thể như tính lừa lọc gian dối, thói mê tín đờng bóng...

Nói đến nếp sống và trật tự nơi công cộng, có người cho rằng, thời trước thành phố sạch và ngăn nắp hơn bây giờ. Nhận xét đó đúng nhưng phải phân tích căn nguyên: Xã hội thời ấy đã an bài một bề như thế rồi và

để giữ được cái thái bình đó, bọn Pháp thống trị ngày đêm lùng sục và tuần phòng, mặc sức đánh người, phạt tiền, phạt giam, làm cho phố xá khiếp đảm xanh mắt lại. Nguyên nhân này cũng quan trọng lắm. Thời ấy, người Pháp quy định nội thành cho một khu dân cư 20 vạn người, nhưng thực cũng chưa bao giờ Hà Nội được trên 15 vạn người. Ấy là không tính đến những người nghèo chui rúc nhà tranh vách đất dưới bãi sông Hồng và ven sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu ngập ngựa cứt đá và muối. Những ung nhọt ấy, tòa đốc lý Tây coi là “ngoài pháp luật”. Thật mỉa mai, trong khi trên phố phạt đá đường, phạt phơi quần áo và trước cửa rác rưởi, nhưng ở bãi Nghĩa Dũng, bãi Phúc Xá phải xách nước sông về ăn và tắm rửa, đi vệ sinh cũng tương xuống sông! Cả thành phố không có một hố đá, một nhà vệ sinh công cộng. Nói về ngày trước nên thấy lại các quang cảnh xa lạ thế để so sánh mới là đầy đủ.

Thành phố ngày nay với các thị trấn vệ tinh bao quanh to rộng gấp bao nhiêu lần xưa kia, và khu vực Hà Nội cũ đã bị phình ra quá sức chứa của nó. Mỗi đợt, mỗi lần người các nơi về nhập cư Hà Nội, đem theo nhiều thói quen tản mạn và tự nhiên mà đời sống thành phố kiểu mới không chấp nhận được. Quét rác ra cửa coi như vun rác ra bờ tre. Không gõ cửa hay gõ như đấm cửa, gọi nhau ơi ơi, chuyện bô bô giữa nơi làm việc như đứng ở ngoài đồng, ở đầu rừng. Ngồi nói chuyện, ngồi họp như ngồi một mình, cứ việc ngoáy mũi, nhổ râu, lấy ráy tai, gãi và ngủ tự nhiên. Rồi thì hát nước, ném chuột chết ra đường, đi bộ, đi xe như một mình ở đường làng, đường đê, không hề ngó ngang đến luật lệ giao thông. Chửi, nói tục đâu phải là sản phẩm của thành phố, nó là những câu cửa miệng của bọn đầu đường xó chợ. Bây giờ, lối ăn nói lưu manh ấy trước tiên vẫn nảy sinh từ những người chạy chợ buôn lậu, những người rục của đàn đúm phè phỡn rồi lan cả đến trẻ con, ngõ đó là hay, là ngộ mà khuyết điểm do nhà trường, gia đình và xã hội kém ý thức tổ chức ngăn chặn. Những thói tục lạc lõng này luôn luôn hợp và được đất với lối sống phố phường cũ ích kỷ “đèn nhà ai nhà nấy rạng”, với lối sống gấp kiêu chup rứt của tình hình tiêu cực

hiện nay. Xây dựng nếp sống nơi công cộng phải làm sao cho có thói quen mới thật tự giác mà cũng thật cụ thể của mỗi người, mỗi giới, đó là trách nhiệm của chính quyền, của các đoàn thể, từ đấy tạo thành tác phong và tư tưởng của đạo sống mới.

Đấy là toàn bộ nội dung cuộc cách mạng về tư tưởng, khó khăn lâu dài, khi lên và khi xuống, dằn dằn khí thế cái mới vượt lên, cái cũ tàn lụi dần. Ngay từ những ngày đầu cách mạng, những hoạt động xây dựng nếp sống và con người mới đã hình thành ở Hà Nội và cả nước. Bây giờ, ban Đòi Sống Mới – một tổ chức kết hợp chính quyền và các đoàn thể được thành lập ở Trung ương và các địa phương chịu trách nhiệm vận động “đòi sống mới” với các mặt công tác tương tự mọi việc hiện nay: xây dựng cái mới trong ma chay, cưới xin, nếp sống trong nhà, trong cơ quan, nhà máy, ngoài đường, bài trừ các hủ tục và chống mê tín dị đoan, v.v... Từ đấy, trên mặt truyền thống và lịch sử xuất hiện phổ biến những đức tính sáng tạo và kiên cường của con người thời đại. Chiến thắng hoàn toàn các kẻ thù xâm lược, con người thời đại Hồ Chí Minh nối tiếp xuất hiện trải ngót nửa thế kỉ nay, đã đưa đất nước tới vinh quang mà cả nghìn năm lịch sử chưa bao giờ được như thế. Tuy nhiên, để hoàn chỉnh con người mới của thời đại trên, tất cả mọi mặt lại là công việc không thể làm gián liễn với mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn của xã hội và cuộc cách mạng tư tưởng đã đương diễn ra hàng ngày, hàng giờ.

Đối với thủ đô cũng không ngoài quy luật chung ấy, những đức tính con người ở Hà Nội được hun đúc nên trên đất Hà Nội do ảnh hưởng qua lại và kết tinh mỗi thời kỳ. Trên đường vượt qua những ngỗ ngang, bề bộn, xuất hiện con người mới sống có lý tưởng, hoài bão cái mới, có ý thức học tập trau dồi tinh thông nghiệp vụ, có tinh thần kiên trì miệt mài nói tay làm, con người nhất mực nhân hậu, nhất mực thanh lịch và tài hoa.

Không lơ là coi nhẹ các mặt thiếu sót, mặt tiêu cực, phải đánh giá đúng và kiên quyết làm thay đổi tình hình hiện nay, nhưng cũng không bao giờ cho là cái tệ hại hoành hành bao trùm cả mà sự thực là những người tốt

việc tốt, con người và đời sống tích cực, lành mạnh vẫn đang là chủ lực và số đông. Từ em bé học sinh lên đến các cụ già, mỗi người đang góp sức xây dựng đời sống tư tưởng thành phố, ra sức đấu tranh cho cái hay, cái mới. Những người đang ở Hà Nội, tất cả là người Hà Nội tự hào và trách nhiệm.

Tôi không cho là mọi mặt Hà Nội bây giờ xấu hơn trước. Trước là trước nào? Có người động nói là thờ dài: Xưa kia không có như thế... như thế... Cũng có người cho rằng phong tục, nề nếp Hà Nội cũ đâu ra đấy, quy củ, trật tự, bây giờ toàn những người ở đâu đến làm lung tung, nông thôn hóa phố phường đi. Không phải sự hình thành con người ở thủ đô của mỗi đất nước, nhất là vùng đất phát tích này đã nghìn năm tồn tại đến bây giờ và còn phát triển nữa, thực sự khác hẳn quá trình hình thành một con người ở bất cứ địa phương nào, bởi mọi mặt cuộc sống Hà Nội từ xưa tới nay bao giờ cũng do cả nước đem tới, từ các vấn đề tư tưởng và hình thức, từ tâm tình cho đến lời ăn tiếng nói, chỉ có đi đâu là khi tới đây thì Hà Nội hóa, thủ đô hóa đi, tất cả tinh thần Hà Nội kết tinh trên cơ sở sự trộn lẫn tứ xứ ấy. Thế nhưng bộ mặt Hà Nội, sự hiện diện của nếp sống, con người Hà Nội của thời đại mới nhất, đẹp nhất vẫn chưa thật sự rõ rệt. “Giàu có nhà quê không bằng ng ồi lê Kê Chợ”, câu tục ngữ cũ bây giờ vẫn đắt giá. Vô số người ở lê la ngày đêm đầu đường xó chợ, các cơ quan công an vẫn thường đem về trả tận nguyên quán, thế mà r ồi ở đâu lại cứ kéo đến nằm ng ồi thổi nấu, cơm rượu, giặt giũ quanh các bờ hồ, các phố khuất. Thật khó hết sức, khó làm sao mà làm cho một người bán phở, bán bách hóa hiểu rằng bán phở, bán bách hóa là một công việc ích nước lợi nhà.

Rõ ràng là con người mới chưa hoàn chỉnh, chưa đủ hấp dẫn, chưa phổ biến được sức mạnh con người mới trong mọi công tác, chưa đề cao và phát động phong trào con người mới rất mới mà lại bình thường, không phi thường.

Vấn đề chiến lược con người trong công tác đấu tranh xây dựng, sự tác động của xã hội, từ chính trị đến kinh tế, là một việc lớn liên quan và ràng

buộc với hết thảy mọi mặt đời sống. Cho nên, xây dựng con người mới, không thể chỉ để tâm đến một lớp người nào, nếu có chỉ là nhân mạnh trọng tâm, còn thì phải chú trọng đồng bộ các biện pháp từ vận động, tổ chức và đôi khi cả biện pháp chính quyền hỗ trợ nữa.

Hà Nội là một thành phố khác các thành phố, các trung tâm dân cư trong cả nước. Ở đây mỗi tên phố, tên đường, mỗi quận, huyện, thị trấn, mỗi phường xã, một dòng sông, hay một đầm hồ, một gò đống, thậm chí đến một dòng họ, một nghề cũ cũng đều dính dấp đến mọi mặt lai lịch, lịch sử.

Xây dựng con người mới không thể có biện pháp nào khác là xây dựng và rèn luyện nên những tập quán phong tục mới làm vũ khí chống tiêu cực, bảo vệ các giá trị tinh thần, văn hóa, đạo đức xứng đáng làm chủ nhân quản lý xã hội.

NGƯỜI TỐT VIỆC TỐT

Trong dịp kỷ niệm 38 năm giải phóng thủ đô, Hà Nội đã long trọng tổ chức biểu dương thành tích đợt đầu trong hoạt động nêu gương người tốt việc tốt của thành phố. Người tốt việc tốt cùng phong trào thi đua nếp sống văn minh gia đình văn hóa trong thành phố, là một mặt trận cực kỳ quan trọng của công cuộc đấu tranh xây dựng đạo đức con người giữa trào lưu đổi mới chống các tệ nạn, mất kỷ cương, tha hóa đạo đức trong xã hội, trong tập thể, trong gia đình và ở mỗi cá nhân.

Người tốt việc tốt không chỉ là sáng kiến hôm nay mà là một phong trào vừa bao quát và cụ thể, vừa chiến lược và chiến thuật, gắn liền với bước phát triển của cách mạng mỗi thời kỳ. Chỉ có thể có vô vàn người tốt việc tốt mới tạo nên thắng lợi của hai cuộc kháng chiến và bước tiến của mọi công cuộc trong sự nghiệp xây dựng đất nước ngày nay, đó là một sự thật đã được khẳng định.

Ngay từ tháng 8 năm 1945, khi cách mạng mới thành công, Hồ Chủ tịch đã hô hào tổ chức đời sống mới trong toàn dân.

Tháng 6 năm 1960, mở đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, Hồ Chủ tịch kêu gọi nhân dân cả nước với câu nói bất hủ: “Không gì quý hơn độc lập tự do” thì cũng là khi Hồ Chủ tịch phát động phong trào Người tốt việc tốt. Để phát huy rộng rãi chủ chương trên, Người đã trực tiếp chăm lo công tác quan trọng này.

Trong một cuộc họp quan trọng với các nhà văn, nhà báo và các cơ quan tổ chức phát hành loại sách “Người tốt việc tốt”, Người đã nói: “Những gương người tốt việc tốt muôn hình muôn vẻ là vật liệu quý để xây dựng con người. Lấy gương người tốt việc tốt để hàng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới”.

Công cuộc vận động người tốt việc tốt gắn liền với máu thịt mỗi bước phát triển của cách mạng trong tất cả mọi giai đoạn, mọi thời kỳ. Hà Nội

cũng trong phong trào lớn lao ấy của cả nước trong cuộc vận động xây dựng tư tưởng, xây dựng con người ngót nửa thế kỷ nay trên đất nước.

Trong kháng chiến chống Pháp, hầu hết người tốt việc tốt dự các Đại hội anh hùng chiến sĩ đều được viết ra, phát hành rộng rãi, bạn đọc hoan nghênh và làm theo, trở thành cao trào thi đua yêu nước. Loại sách ấy miêu tả gương anh hùng chiến sĩ chiến đấu, lao động và sản xuất như tinh thần dũng cảm của chiến sĩ La Văn Cầu, những sáng tạo của công nhân Ngô Gia Khảm, gương lao động đøg ruộng của lão nông Hoàng Hanh, cùng bao nhiêu tấm gương khác nữa. Những sự tích oanh liệt đó đã được những cây bút tài năng viết lại và năm 1954, loại sách này đã được giải thưởng lớn của Hội Văn nghệ Việt Nam.

Và loại sách “Người tốt việc tốt” ra đời trong thập kỷ 60 đã được đích thân Hồ Chủ tịch chỉ đạo nội dung và cách viết cả về tuyên truyền và phổ biến như trên đã nêu.

Gương “Người tốt việc tốt” được viết ra, đó là những công trình cốt lõi làm cẩm nang cho công tác phổ biến, vận động và nhân gấp bội những tấm gương cần được noi theo. Tuyên truyền rộng khắp, nhanh nhạy nhất không gì tốt hơn các bài báo, các tập sách về gương người tốt việc tốt được công phu viết ra. Chúng ta đã thấy những gương người tốt việc tốt được thể hiện thành những sáng tác hay có giá trị và tác dụng lớn lao nhường nào.

Cho đến nay, quan niệm viết sách, viết báo về đề tài này vẫn chưa được mạnh mẽ phản ánh, đến mức phổ biến có được nghệ thuật cao. Có hiện tượng những câu chuyện nghe chính người ta đã làm, đã trải kể lại thì rất lý thú và cảm động nhưng đến khi viết ra lại không đủ sức lôi cuốn bạn đọc.

Cái chính là người viết đã viết một cách dễ dàng, không xứng tầm vóc và tinh thần câu chuyện. Thực sự cuộc sống cũng như quan niệm sâu xa trong thể hiện không được người viết nắm bắt, suy nghĩ và gian khổ sáng tạo. Trước một tài liệu để viết, nhất là khi viết về người thật, việc thật, một sự việc ấy, nhỏ hay lớn, người hành động nhất thiết phải trải bao nhiêu

đấu tranh mới tới được bước quyết định thì người viết không thể đơn giản đặt bút. Cái dễ dàng và nhẹ nhàng kia làm cho bài báo, quyển sách nhạt nhẽo, do người cầm bút chưa thực sự chuyên tâm mọi mặt, làm cho câu chuyện thật hấp dẫn mới tới được thành tích mà lại thiếu sự sống dưới con mắt và tấm lòng người đọc.

Việc người tốt, việc tốt đòi hỏi người cầm bút nghiêm túc đi sâu vào đối tượng, mạnh mẽ, sáng tạo bằng phong cách và văn phong đặc sắc, có như thế mới xuất hiện những sáng tác đạt tới nghệ thuật cao và được bạn đọc hoan nghênh.

Hiện nay, phong trào xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa đang mạnh mẽ phát triển, trong đó những tấm gương người tốt việc tốt nảy nở ngày càng nhiều. Cả thành phố được chứng kiến buổi đầu họp mặt trong dịp kỷ niệm 38 năm giải phóng thủ đô đã có hơn 400 người tốt làm việc tốt tiêu biểu và đại diện các ngành, các giới thành phố.

Cổ động, tuyên truyền, khơi rộng ra, sức mạnh ấy là trách nhiệm người cầm bút. Chúng ta hãy công phu thể hiện sao cho xứng đáng.

CHÓ, BÊ, DÊ, RẮN

Theo cách hiểu có tính riêng của người đất Kẻ Chợ, đặc sản là món ăn không hẳn đắt tiền sang trọng, nhưng nhất thiết phải là đặc biệt. Khách mền mộ gọi là quán đặc sản ấy – đặc sản ấy chủ quán không kẻ biển “đặc sản” và chủ quán cũng không vỗ ngực tự xưng. Cũng cho là khó bởi món đặc biệt thì không tay nhà bếp nào chịu nhau, cũng hết như một tác phẩm, tác phẩm thì cần xem và thời gian đánh giá qua bạn đọc quyết định. Món đặc sản thì cần thời gian và người thưởng thức quyết định.

Cho nên những chó, bê, dê, rắn... cũng có thể là đặc sản và những “đặc sản” ấy trở thành độn hậu la liệt cạnh các bọm bia. Vía hè cũng là một sự phong phú. Nhưng xem ra các quán cóc sớm mở tối tàn này cốt làm cho có món ngổ ngáo mà thực khách thì xô bồ, thế nào cũng nuốt được. Cái khay than nhem nhuốc, cái lò cái bần nướng, xào, ăn uống mặt mũi tung bưng mù mịt trong khói bếp sao mà nó “hoang dã” lắm vậy.

Cho nên cũng cần đôi đi đầu bàn về lẽ lối ẩm thực nơi đất quê lè thói chúng ta. Cũng miếng thịt, nhưng thịt gà, vịt, lợn thì cả nhà cùng ăn, có nghĩa là ai cũng dùng được và dễ làm. Ấy nhưng nói thế với bà con ở Hoóc Môn không được đâu. Ở Hoóc Môn có đặc sản món nhắm thịt lợn luộc chấm muối chanh tài tình đến độ dù thịt thăn hay thịt ba chỉ cũng đều giòn như sụn mềm, tai lợn. Hay ở Phú Thọ có món thịt gà nướng đập giập cả xương, nhưng dầu sao đây là các thứ thịt thà dễ cho việc dao thớt.

Chó, dê, bò... kẻ yêu người ghét, “nghệ thuật” hơn. Quán bia vỉa hè bây giờ khách thường uống nhắm thịt chó luộc (hấp) chả chó. Có lẽ chỉ chính tề nhất đĩa rau ngổ, ba lá, húng quế và mơ tam thể. Các thứ thịt đều phải xem lại, nhất là món chả thì lại tở bởi đều lấy ở các phố bán làm sẵn, ở Trôi ở Canh đem ra. Thịt thái sẵn nướng sẵn, mua về chỉ kẹp vào vỉ sắt quạt than làm phép qua loa rồi rắc lên một dùm gừng giã, không phải gừng nướng. Để ý thì cặp kèm vào thịt cả miếng dĩa, miếng gan và thịt gi ý... Chẳng đâu còn cái ngon ăn cái nướng tại chỗ, với miếng thịt đầy đủ có

mảnh bì, lớp mỡ, thịt. Chỉ có thịt chần chẫn không bao giờ quý dù là thịt luộc, cả thịt gà đến thịt bê, thịt dê. Mỗi miếng đều phải có bì, có da, có mỡ hoặc hẳn thịt với xương ăn bổ bã.

Ngày trước nước phở chưa có mì chính hay “vị phở” mà chỉ hần xương lấy nước dùng, khách chơi, khách ra mua xương uống rượu đã gọi thành tiếng lóng đùa ghê rợn cách ăn ấy gọi là “bốc mả”.

Nhiều dân tộc châu Á có thú đánh chén thịt nướng nhưng không ở đâu người ta ngon lấy được như mình. Ở Trung Đông hay Trung Á quán cừu nướng cũng dân dã dọc đường. Cái lò con con, những miếng thịt quay đều đều trên cái xích chạy điện. Khách ăn được cái thú trông thấy tảng thịt từ lúc đem thái cho tới chín thơm điếc mũi. Chưa thấy bê, dê sản xuất hàng loạt như thịt chó, có thể bởi thịt bê và thịt dê còn làm khó hơn mà các nhà thiện nghệ chưa nghĩ ra được cách “sản xuất dây chuyền”. Khó vì thịt bê thì quá mềm, ít món, thịt dê thì hơi quá tay hay non lửa chẳng ra sao. Cho nên tái bò hợp với tương, tái dê nhất thiết phải bóp lá chanh và chấm tương gừng cho khỏi hoi. Hôm trước báo Hà Nội mới có bài về thú ăn uống ở Hà Nội có kể thịt dê hiệu Phú Hòa Hàng Quạt, thực ra ở góc phố Lương Văn Can, nhưng khách quen gọi là Phú Hòa Hàng Quạt. Về sau quán này mở lại ở phố Huế cộng tác với một người nữa, vẫn được tiếng đến nay. Thịt dê Phú Hòa bóp chanh vừng[1], lại chấm tương gừng thật đậm. Mấy năm sau cụ Phú Hòa bệnh già mất, ông Miên lên mở đặc sản phố Lý Quốc Sư, chưa thấy quán thịt dê nào ngon thực sự và có tiếng bằng.

Ăn uống cũng như ăn mặc, có một, có thời. Đạo này bỗng dưng lắm quán thịt dê mà lại uống với bia chẳng ngon lành mấy. Vậy nên gọi lại cung cách thường thức món này của Hà Nội. Lại nghe nói đạo này nhiều quán rắn, rắn nướng, chả rắn. Ở Sài Gòn chi đâu nào chẳng nhan nhản tái lươn và rắn nướng. Ở rừng gặp dưới Duyên Hải lên hay trên Bến Cát xuống chỉ lươn và rắn. Lươn Quảng Nam Đà Nẵng, lươn sông Cửu Long ra tận đây rồi. Nhờ người buôn lươn miền Nam ra bán lên biên giới mà

mình được ăn lây. Cháo lươn, miến lươn... Hà Nội không đến nỗi hiếm như trước. Và có rắn, rùa, cóc nhái nữa, miến là đặc sản phải cho ra đặc sản, thật là đặc sản.

Nhưng không phải ngày xưa cái gì cũng hơn ngày nay. Tôi không thích nữa câu ca dao: “Bao giờ cho đến ngày xưa”. Không phải bây giờ kém mà hiện nay cái ăn cái uống Hà Nội phong phú hơn xưa nhiều. Nhưng mà tạp cho nên cái chính vẫn là người sành và thói quen. Thường thức một ví dụ: Ngày xưa chả cá Lã Vọng và Sơn Hải, thông thường hàng quạt chả đặt lên trên bát thìa là rổ rưới nước mỡ. Người cầu kỳ chuộng miếng chả cá lạng thơm nóng mới đặt hỏa lò trước mặt và tự tay nướng lấy. Nhà hàng chỉ trữ sẵn đôi ba cái hỏa lò để chiêu khách. Nếu tôi đi với bè bạn xô bồ cũng đánh chén gọn ghẽ, thích thì thêm hai ba lượt mỡ nóng. Nhưng bây giờ nhà hàng phải trữ ít cũng mấy chục cái hỏa lò. Ai cũng thích ăn chả tự nướng thế là thường thức tinh tế hơn trước lắm chứ.

Cái chính là kỹ tính và thanh lịch. Khẩu vị, ăn ngon mặc đẹp còn là nền nếp Hà Nội nữa đấy!

[1] Miếng chanh to, nhánh mùi láng chứ không phải mùi tàu.

CƠM MỚI CHUYỆN CŨ

Trong muôn vàn sinh hoạt, người Việt Nam hay linh hoạt dùng ứng xử. Chỉ một ví dụ nhỏ: Thói quen đi tắt trông khoảng ruộng góc bờ rào thì thấy rõ. Chỗ nào tiện nhất, chóng tới nhất lúc đầu là vệt vệt chân, sau thành lối. Thường đi đúng đường nào cũng ra lối ấy, nhưng tắt đường thì nhanh và tiện hơn. “Đất lè quê thói” biến bạch ra thì đất có lè lối, quê có thủ tục, thói quen, nhà có nề nếp, quê có phong tục tập quán. Có nghĩa rộng ra là con người ta và cộng đồng người ta ở đâu cũng tạo nên nề nếp, phong tục. Văn minh văn hóa của dân tộc ấy đã được xây dựng dần dà từ lâu đời lưu truyền nhiều năm qua, mọi biến thiên của lịch sử, con người và đất nước lại nảy sinh những thích ứng mới.

Từ đất lè quê thói thấy ra bản sắc và phong cách dân tộc, hình thành được phong cách và bản sắc dân tộc bao giờ cũng bắt đầu từ những tình tiết căn cứ hành vi bản thân và xã hội, từ câu nói, miếng ăn, ngậm uống, cách thức sinh hoạt, trong công việc với mình, với người. Khác nào phải từng viên gạch, nhiều người, nhiều đời mới xây dựng nên được.

Việt Nam ngàn năm văn hiến tôi hiểu theo đất lè quê thói của từng làng, từng phường, một vùng, một miền mà tôi có biết và ghi lại. Mình là thông thổ Hà Nội. Người từng trải hết tự nhiên không có một công phu nghiên cứu gì, tôi đã được sinh ra và lớn lên trong vùng này, những cái tự nhiên tôi biết như là dây rau muống thả sông Tô Lịch thì ngon và mềm hơn rau muống bè trong ao hay rau muống trồng luống trên vườn. Chỉ là những cái hạn hẹp ấy nhưng lại có vẻ tránh được nhiều cái nhảm chỉ vì hỏi han chưa đến nơi đến chốn đã vội khoác. Như có một nhà nghiên cứu sử thấy chỗ ấy có phố Châu Long, chùa Châu Long thì nhất định chỗ Châu Long phải là chợ Châu Long cũ như chợ Đống Xuân, chợ Hôm. Phố ấy người Pháp đã đặt một tên Pháp và chợ Châu Long chỉ mới có từ những năm Hà Nội bị Pháp chiếm lại (1947 – 1954). Hay tại sao chợ 19-12 lại gọi là chợ Âm Phủ, nếu biết mà không kể lại dần dần sẽ mờ nhạt và sai lẫn đi.

Tôi được ra đời ở đây, tuổi thanh niên lớn lên ở vùng đất này do vậy tôi có thể biết về thời Tây, lại được nghe các cụ nói lại chuyện thời Tây mới sang rồi bản thân lại trải hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ ở Hà Nội cho đến ngày nay. Những ký ức và tai nghe mắt thấy luôn sống trong tôi.

HỒ LỚN BỜ HỒ TÂY

Cái đẹp con đường hồ Tây, hồ Trúc Bạch là bờ và nước, yếu điệu lá tre, lá liễu.

Người Pháp đã trước tiên làm hỏng cái mảnh mai ấy của con đường. Thoạt đầu không có chỗ bãi hàng bánh tôm ở ngoài chùa Trấn Quốc. Đường Cổ Ngư đến chỗ ấy lượn xa chùa, các cụ ta ý tứ lắm. Như vậy chùa Trấn Quốc một mình giữa trời nước, chỗ có con đường như sợi chỉ vào cổng giữ được tĩnh mặc chỗ cửa thiền. Tây đã lấp thành bãi lấy chỗ cho lính sáng sáng trong thành ra tập thổi kèn. Bây giờ vết con đường cũ còn hẳn hai hàng cây cổ thụ xuyên cạnh ngôi nhà hàng bánh tôm. Về sau ta lấp thêm mãi, lấp mãi đến bây giờ, thì con đường mảnh khảnh chỗ nào cũng vườn cây và bãi cỏ cả.

Người ta lại đóng cọc, xi măng, lát lợp ô tô làm nhà nổi. Các cơ quan, các cửa hàng đóng tự do hai ba cái cộng với chiếc tàu thủy trong lòng tàu và trên boong có phòng nhảy, nhà ăn đậu lù lù như cái đình trên mặt nước. Suốt ven bờ lung củng gồ ghề quá, còn bên kia hồ Trúc Bạch ngày đêm người ta đổ xỉ than lấn hồ. Cứ thế này rồi đến mất tích hồ Trúc Bạch. Ôi Hồ Tây!

Sông Nin hùng vĩ chảy qua thủ đô nước Ai Cập, cũng là nơi ăn chơi. Nhưng con sông vẫn như nghìn năm trước. Tất cả hàng quán ăn chơi đều là du thuyền xuôi ngược, không được neo, không được đóng cọc. Con sông vẫn như nguyên.

Ở Campuchia vào 1960 – 1962, Pôn-pốt chưa tàn phá, dòng Mê Kông chảy qua thủ đô Phnôm Pênh. Bên dưới cầu Cheng Va khách bỗng như thấy dưới nước mọc lên những vườn hoa cây cảnh tuyệt đẹp. San sát những quán ăn, tiệm nhảy trên mặt nước. Có đi đâu là những cây cầu bắc ra phải bằng những thân cây thốt nốt và lan can tay vịn là những dây song. Không được đóng đình, các tay cầm đầu buộc mây. Và ngoài kia những phòng ăn, phòng nhảy, phòng ngủ vách phen tre, lợp lá thốt nốt. Sàn cao

trên một cái bè có đến cả thước gỗ và tre, trúc. Xa trông, gần trông như nghìn xưa vẫn thế.

Cảnh đẹp ấy ở sông Nin, sông Mê Kông do chính quyên các thành phố Cai-rô và Phnôm Pênh tổ chức và đã xây dựng theo quy hoạch. Khác như ta hiện nay, ai làm thế nào cũng được, nhà hàng bánh tôm và bao hàng ăn trên nước, đóng cọc, đắp cả tấm xi măng lên cũng được. Sao tốt đến thế, vậy mà cứ tự nhận Hà Nội thanh lịch?

NGƯỜI VÀ THẦN PHẬT, MA QUÁI

Mỗi làng đều có khoanh tre bao quanh, dẫu cho làng có đường cái chính xứ ngang qua, người qua lại như mắc cửi, thì đầu làng, cuối làng cũng có lũy tre gai ngăn hai bên phần địa giới làng xóm và cánh đồng. Bây giờ, các làng quanh Hà Nội không còn lũy tre, bụi tre và cây tre – đừng nói khoanh tre, lũy tre mà mỗi cái cây ở làng đều có sự tích cuộc đời.

Mỗi nhà có người ở, lại có tổ tiên, đến giỗ Tết các cụ về ngõ trên bàn thờ trang trọng giữa nhà đấy. Trong bếp có ông vua bếp đến Tết mới về trời vài hôm, còn ông thần đất thì lúc nào cũng ngõ đấy. Ông thần đất thì nhập vào chó đá ngõ canh cổng đấy. Người ở chung đụng lẫn các vị thánh thần, các ma xó, ma trời, ma người thất cố, người chết đuối mà người ta tưởng tượng chỗ nào ma cũng nhờn như người.

Đình là trung tâm của làng, trong làng có hay không có cái đền, cái chùa nhưng làng nào cũng có cái đình thờ Thành Hoàng làng. Đình được làng xây dựng ở nơi cao ráo, khang trang, cho phong thủy thế đất là nơi phong quang nhất làng. Cái đình thời trước ví như trụ sở ủy ban bây giờ, mọi công việc làng xóm đều được đem ra đấy: kiện tụng, thề ǎ, cưới xin, ma chay, thuế má, việc quan nha và các giấy tờ, mọi sai trái, ban ơn, mọi thủ đoạn phe cánh, các cuộc chèn chén và các trận ẩu đả đánh chém nhau của các chánh lý cũng đều diễn ra ở đây, chốn đình trung này. Ở đình có quan làng, quan trên, lại cả cụ Thành Hoàng thiêng liêng ngõ trên ngai tượng tận cùng. Thần thánh trên đầu, trên cổ cả làng. Thần Hoàng làng xuất hiện từ nghìn xưa, các triều đại thay đổi nhưng vua đời nào cũng có sắc phong Thành Hoàng làng. Các vị thượng đẳng phúc thần hiện thờ phụng tế lễ này là những nhân vật tiền sử: Thánh Gióng, Hai Bà Trưng. Có khi là người anh hùng liệt sĩ chính sử: Trần Hưng Đạo, Phạm Ngũ Lão, Ý Lan... Cũng có khi là người vô danh chết bất đắc kỳ tử: người chết đuối, kẻ trộm bị đánh chết vào giờ linh được hiển thánh ở thời kỳ cận đại. Nhiều nơi ở vùng biển đã dựng đền thờ Nguyễn Công Trứ, ông quan có công khai

hoang...

Quãng 1920, người Pháp làm cải tượng hung chính có lẽ muốn “cách ly” uy tín, tinh thần ông Thánh làng thôi, mọi việc làng xóm phải đem ra nhà hội đồng. Nhưng rồi, nhà hội đồng cũng bỏ đồ nát, các ông hội đồng cóc lại chui vào đình. Chỗ nào cũng có sự chung đụng giữa người với thần Phật và những con ma. Chỗ ao làng ấy có người chết đuối, người trẫm mình, ở cây nhãn ngày trước có người thất cố, thế là không biết ai đem đến mấy hòn đá, thỉnh thoảng thấy nén hương một tập vàng lá.

Ở cái gò kia, các cụ nói đời trước, một đêm thấy đàn vịt sáng rực ra tắm giữa trời mưa thế là trên gò được đặt bát hương. Sau cổng làng, cái gò nhỏ được gọi là gò Ông Đống, người qua đường ném hòn gạch, hòn đất vào đồng để ông Đống phù hộ cho đi đường xa đỡ mỏi chân.

Chùa ở cuối làng, đằng hậu chùa có nhà Mẫu. Trên chùa lễ Phật, dưới nhà Mẫu các bà ng ồi đồng. Cuối tháng Ba, đầu tháng Tám, Xuân Thu nhị kỳ các quan trên hội tư văn ra văn chỉ lễ tìm thánh Khổng. Nực cười sau này Hán học đã bỏ, trong làng có ông đỗ đạt bằng Quốc ngữ chữ Tây mà vẫn theo nếp cũ, vào hội tư văn một năm ra hai lượt văn chỉ lễ cụ Khổng Tử rồi ng ả mâm cúng xuống xúm nhau đánh chén.

Ngoài miếu vắc cày đánh con trâu tránh nắng, nghỉ ăn cơm trưa và người đi đường dừng chân hóng mát. Những nơi thờ cúng âm thanh cảnh vắng, cả đến cây cổ thụ, cây đa, cây muỗm, cây đề, cây trôi, cây sung, cây đại, cây thông, cây nhãn, cứ cây gì cổ thụ được trồng từ đời trước, ngoài trăm năm đổ ra, các cây lão lai ấy đều có ma. Câu tục ngữ: Thần cây đa, ma cây gạo... lại còn những con ma lang thang trẻ con hay khoe. Đêm bà lại cầm dao ra chém gió, chém bờ rào, lẩm bẫm khấn chửi: Phạm Nhan trêu cháu tao thì đứt cổ, biết đi đâu thì cao chạy xa bay – Phạm Nhan! Con quái Phạm Nhan chặt đầu này mọc đầu khác như ma cà rồng trên ngược hay rình mò làm trẻ con ốm đau khóc đêm.

Trong làng có người, lại có thánh, có thần, có Phật, có ma, có di ền ngày cúng giỗ khấn tổ tiên và người đã chết về với con cháu và gia đình. Ai là

người là ma, mà đây là hồn người trong nhà.

CHỮA NÓI NHỊU

Ở mỗi vùng đất lớn, ở đông thoảng thấy tiếng nói ở đấy có một giọng chung. Trong nghiệp vụ viết và nói đều gọi là tiếng chuẩn. Ở nước ta cũng như nhiều nước trên thế giới những trung tâm lớn được coi là vùng tiếng chuẩn. Hà Nội – Sài Gòn – Huế và mặc nhiên đã được áp dụng cho phát thanh viên ở Trung ương và các nơi trên.

Có lần tôi đã trao đổi trên báo với nhạc sĩ Lưu Hữu Phước về vấn đề này khi Lưu Hữu Phước đề nghị nên lấy một vùng ngoại ô Hải Phòng làm tiếng chuẩn toàn quốc vì vùng này “nói đúng các từ s, x, d, gi, r...”.

Có thực tế đó nhưng đấy chỉ là cái đúng trong cách nói một địa phương. Đây là một vấn đề quan trọng và cần thiết, thống nhất quan điểm và giải quyết nhưng để trở thành tiếng chung thì tiếng vùng ấy còn chưa được như tiếng Hà Nội. Tiếng chung không thể xem với bất cứ một tiếng một khu vực nào. Hiện nay tiếng Hà Nội phát triển theo bề mặt của thành phố mở rộng, tiếng và giọng nói cứ pha dần nhưng để ý vẫn thấy: Từ các vùng ngoại thành trở ra, ở mỗi làng xóm vẫn phảng phất giọng nói cũ mỗi vùng. Dưới Cầu Giấy khác Bưởi và trong một vùng Bưởi mỗi làng giọng cũng khác nhau. Vào đến Thụy Khuê ở giáp thành phố đã bao đời vẫn phảng phất “tiếng Thụy” rất riêng. Chỉ ở trung tâm 36 phố phường cũ ngàn xưa đến nay luôn luôn là nơi tụ hội mốc. Hiện nay bao gồm đại để bốn quận nội thành mới nói giọng Hà Nội. Một giọng nói được tứ xứ hun đúc hợp lại không đâu giống và cũng không giống đâu. Trong thời cũ người ta có phân biệt: Giọng Kẻ Chợ thì sang và ý muốn nói người giàu có, nói năng đài các. Bây giờ tôi vẫn còn nghe người phát ngôn tiếng Việt ở đài tiếng nói Hoa Kỳ còn rơi rớt đôi chút giọng chậm rãi, kiêu kỳ ấy.

Từ hơn ba mươi năm nay, giọng Hà Nội đổi dần theo sự tiến hóa bình thường. Bất cứ tiếng giọng ở đâu đến cũng đều bị Hà Nội hóa đi, nghe giọng gốc người Trung Bộ, Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh ngày nay định cư ở Hà Nội, các ông có chức và người có tuổi học nói giọng Hà Nội thì biết ngay.

Giọng Hà Nội có chuyển đổi không dài các, không tục tĩu. Nhưng trong thanh niên, cả nam nữ nói có lẽ lướt ỏn ẻn hơn cũng là một chuyển biến tự nhiên.

Tiếng giọng Hà Nội cũng đang lan dần với vị trí thủ đô mở rộng. Có thể chia các vùng quanh Hà Nội thành hai khu phụ mà tiếng nói đang biến đổi. Tây Bắc lấy các nơi như Từ Liêm, Đan Phượng, Thạch Thất, Ba Vì. Ngày trước tiếng nặng hơn bây giờ. Nay đi ra ngoài nhiều các cụ nói “ăn xem nước” giọng địa phương nhạt dần. Để ý giọng nói cán bộ các huyện trên thì nhận ra ngay. Một số nơi phía nam thành phố giọng nói bị bệnh nhịu, cái bệnh nói nhịu này cũng lạ. Một số người, cực kỳ ít, hay nói nhịu rất tục làm trò cười cho xung quanh nhưng không ai dám cười. Những tật nói nhịu: lao (nao), nôn nóng (lôn lóng)... thì còn khá phổ biến.

Có một đạo Đài tiếng nói Việt Nam ở các mục phát thanh nông thôn và lâm nghiệp, phát thanh viên cũng nói nhịu như thế. Có lẽ đài cho thế là tiếng nói chân quê lập cho hợp với các mục ấy nhưng nay đã sửa rồi.

Nói nhịu đây gốc là nói nhầm chứ không phải ngọng lưỡi. Cán bộ các ngành và thanh niên các vùng này đã sửa được nhiều nhưng vẫn còn nhiều người nói nhịu, nhất là ở những người luống tuổi. Không kể bây giờ có một số thanh niên ba phải ở nội thành cố tình nói nhại chơi.

Nói nhịu là nhầm chữ l ra chữ n... thế thôi, nhưng người ta có thể nói nhịu: Việt Lam (Nam), lao lúng (nao núng), lông lỏi (nông nỏi) trong khi vẫn đúng. Nói nam (lam) lỏi lòng (nỏi lòng). Học sinh Hà Nội đi thi toàn quốc mà nói nhịu y như cán bộ Hà Nội phát biểu nhịu trên đài làm mất cả danh giá tiếng chuẩn.

Trong khi cách chữa rất dễ, chỉ cần bắt buộc nói ngược lại thói quen. Ở mỗi làng, trong nhà trường nên đặt vấn đề chữa trước nhất cho học sinh. Nếu cả thầy trò cùng nói nhịu thì thầy trò thi đua chữa. Tại sao tôi nói chữa nhịu dễ bởi chợt nhớ một chuyện vừa thương tâm vừa tức cười.

Ngày trước ở nhà hát ả đào, các hầu rệu – một kiểu gái điếm, thường là chị em nghèo đói trong làng ra trôi dạt vào lâu xanh. Cho nên cũng

thường là nói nhịu. Cô hầu rượu ra đơn đả chào hỏi khách chơi: “Đạo lầy anh nàm ăn phát tài phát lộc thế?” thì bằng đuổi khách. Chủ nhà hát hạn cho một tháng cô nào không chữa được nhịu thì tống cô đi.

Tháng sau, cô đào rượu ấy trở lại. Bà chủ hỏi trước chế giễu “Thế nào?”. Cô đào dụi dàng khép nép: “Lạy bà con khỏi nói ngọng r ồi ạ”.

Tôi nghĩ chữa nói nhịu cho cán bộ ta bây giờ rất dễ. Cứ không cho giữ chức và cúp lương có lẽ chữa được nhanh. Chửi cha không bằng pha tiếng, tôi chịu nghe các bạn nói nhịu chửi tôi. Nhưng tôi không chửi, tôi chỉ muốn bàn bạc với các bạn chỉ vì sự trong sáng của tiếng chuẩn thôi.

NGƯỜI LANG THANG

Vấn đề người lưu lạc lang thang vào thành phố được đặt ra đã lâu mà dường như giải quyết cứ thụt lùi. Mỗi đêm ví dụ như thành phố Hà Nội không biết cơ man người ngủ đêm không hề có khai báo tạm trú và chắc chắn cả tháng cả năm có hàng nghìn người không có hộ khẩu ở trong thành phố mà các cơ quan có trách nhiệm không hề biết.

Đó là những người thế nào? Khách vãng lai các tỉnh nhờ tàu nhờ xe không tìm thấy nhà trọ hay không muốn ngủ trọ, nằm tạm một đêm vỉa hè. Những người làm những nghề không có biên lai trong các sổ thuế môn bài, thuế sát sinh, bọ đĩ cái, đĩ đực, các chú cừu bạn, người đi lừa, đi làm thuê rồi ăn mày... và bao nghề không tên khác nữa.

Tôi chỉ kể riêng một nghề nhặt rác. Cuộc phiêu lưu của một túi rác trong nhà như sau: rác được vun lại, hót vào thùng (túi) rác. Người ta lén lút đem đổ ra đầu đường, chỗ nào có xe rác người ta đổ lên xe rác. Có phố cứ đến giờ xe rác qua người ta đổ lên, có những cơ quan xây trong tường cái hố đổ rác hàng ngày xe rác đến lấy.

Những người nhặt rác theo đuổi cái rác từ lúc cái rác vừa ở trong nhà ra đường cái. Đống rác ven đường, cái xe rác đổ đầu phố, hố rác tại các cơ quan và sau cùng bãi rác của thành phố ở bên kia sông. Chỗ ấy đông người bới rác nhất.

Cái rác vớt đi thì người ta bới lấy gì trong ấy? Nhiều lắm và mỗi thứ lại có một người chọn nhặt lấy từng loại. Người bới rác nhặt giấy, người bới rác tìm mảnh thủy tinh, chai lọ vớt đi, người bới rác nhặt giẻ rách, người bới rác nhặt giày dép, mảnh ni lông, đờn nhựa...

Mọi thứ đều ra tiền cả. Giấy có người mua cân đem bán cho các nhà làm giấy thủ công nhà máy giấy nghiền ra. Giẻ rách giặt phơi sạch đem bán cho hậu cần quốc phòng để lau chùi vũ khí. Chai lọ, thủy tinh, đồ hộp... bán cho lò thủy tinh. Đờn nhựa, ni lông nấu nhựa tái sinh. Mà không phải người nhặt rác đưa thẳng đến những nơi ấy. Lại có cai đầu dài mua lại

tập trung thành tấm thành món. Có xe thồ, xe tải tải đi bán được tiền nghìn bạc vạn chứ không phải thường. Chơi chơi mà ăn tiền.

Ở Hà Nội không biết bao nhiêu là người làm những nghề không tên như thế. Nhiều khi không phải một người mà cả nhà, suốt ngày mỗi người chia nhau đi mỗi việc chập tối lại về tụ tập ở các phố khuất bên gằm cầu bờ sông, quanh các hồ Thiên Quang, công viên Thống Nhất và những khu vực bến xe, nhà ga, gằm chợ... Những dịp Tết Trung thu ai đi mua đồ chơi cho trẻ em hẳn phải đau lòng khi trông thấy cái cảnh đứa bé sơ sinh được đặt trong một cái chậu để bơ vơ giữa đường. Ai đi qua động lòng thì bỏ tiền cho đứa trẻ – người mẹ hay người bố – hay là người thuê đứa trẻ ấy. Cái người nhẫn tâm ấy ngẩng khuất bên hè lúc nào nhìn thấy trên người đứa bé trong chậu đã kha khá tiền lại ra nhặt rồi lại bê cái chậu ra phía khác.

Thôi thì đủ cách làm tiền, mà được tiền. Năm trước một phóng sự người lang thang có kể một bà cụ ở thị xã Cao Bằng không biết thế nào mà một mình xuống Hà Nội lang thang đã mấy năm. Đêm ngủ gằm cầu, ngày ra bờ sông nhặt giấy bần đem bán cân. Thế mà còn để dành tiền mua được xe máy, đồng hồ gửi về cho con trai trên quê. Lại chuyện một con bé hiện nay ở tờ bán báo “Xa mẹ” của công ty Hoa Phượng. Mẹ em sinh em ở cửa ga Hàng Cỏ, em sống với mẹ em cho đến tuổi thiếu nhi, hai mẹ con kiếm ăn quanh ga rồi một hôm mẹ em bị tàu hỏa chẹt chết. Em bé không bao giờ biết quê quán và người thân thích suốt cuộc đời chỉ nghe và biết một đi đâu: Mẹ sinh ra em ở ga Hàng Cỏ.

Bây giờ, chiêu chiêu bạn có thì giờ dạo bên ngoài công viên Lê Nin (Thống Nhất) từ bến xe Kim Liên đi quanh sẽ thấy một quang cảnh quen mắt. Một sợi dây buộc một đầu vào bờ rào công viên, một đầu vào cành cây nào đấy. Trên phơi có quần, vắt khăn mặt, chăn chiếu... ở dưới, trải một manh chiếu, đấy là sự quây quần của một gia đình ban ngày đi kiếm ăn các nơi về tụ tập đấy. Nồi cơm ngay cạnh, khói bếp và nồi cơm sôi bốc hơi. Người vợ đang cho con bú. Hai đứa nhón đi ở phố về tay xách cái túi chắc mua thức ăn. Bố ngồi ngật ngưỡng dưới chiếu, một chai bia như lọ

nước với bìa đậu phụ nướng chấm môi. Mặt anh ta đỏ lựng đang lăm bằm chửi bới hay nói gì không biết.

Cái gia đình vỉa hè ấy không hiếm, được biết các thành phố cũng đã tốn công phu về việc này. Người ta cũng không có tội gì, chỉ có cách đưa đi nơi tập trung lao động hoặc cho xe tải về làng. Nhưng tất cả những việc đã làm đều là “Bắt cóc bỏ đĩa”. Chúng ta phải làm tận gốc cơ. Chẳng lẽ lại chịu!

ĂN CƯỚP CƠM CHIM

Tôi là một người viết văn cỡ nhàn nhàn. Tự biết nhưng cũng được gọi là nhà văn như ai. Thời bao cấp nghề chính là ăn lương cơ quan (cũng có bằng đại học nhưng chẳng làm việc gì ra việc gì). Nhà không cũng như chơi. Rồi thì đến lượt sau hơn ba mươi năm lấy lương Nhà nước, thời bao cấp thỉnh thoảng có được in một tập truyện. Bây giờ hết thời bao cấp thì phải tự xoay lấy, và bây giờ thời kinh tế thị trường việc in được một quyển sách chẳng biết người khác thì sao với tôi thì thế này...

Một ông đầu nậu A. Tôi được người bạn mách cho quen, đọc tập truyện của tôi nói: In được nhưng trong cái tên – cái tên trước thì bán cho ma. Đổi tên là “*Lười tình*” nhé. Anh đồng ý không? (Tôi đồng ý ngay). Tôi lo giấy phép, nhà in, phát hành, tôi lo cả gói. Anh đồng ý không? (Tôi đồng ý quá). In 1.000 quyển tiền bản quyền 6 phần trăm tính theo giá bìa. Anh đồng ý không? (Tôi cũng đồng ý ngay).

Thế là quyền “*Lười tình*” của tôi vào mọi công việc mà tôi nghe ông đầu nậu A kể trên thế chứ tôi nào biết quyền sách ra sao. Ba tháng sau, nhanh quá. Có nghĩa là ông đầu nậu A đã thuê tên nhà xuất bản để in (nộp cho NXB một số tiền) cũng là một hình thức bán giấy phép thôi. Ông đầu nậu đưa tôi số tiền 300 nghìn và nói: Sáu phần trăm bìa sách của anh đây. Bằng cái hợp đồng mồm, tôi đâu biết sách đã in như anh ấy nói hay bao nhiêu. Có cảm tưởng người ta in cho (hoặc được in một quyển sách) là phúc rồi còn đòi gì hơn. Việc tiền mua bán bản quyền các loại hình văn học nghệ thuật bây giờ đại khái là thế. Cũng tùy cơ quan và nhà thầu. Về các loại nhạc cũng tương tự, về hội họa có thể cho không, có thể được hàng nghìn đô la hay một đô la tùy kẻ bán người mua. Tôi không biết những điều, những quy định, những thông tư dưới luật thế nào là đảm bảo cho “bản quyền tác giả” ra ngô ra khoai chứ như bây giờ không thoát ra hai chữ khốn nạn, khốn nạn to đùng!

NGẮM CẢNH CŨNG THỪNG TỬ

Không biết từ đâu bây giờ mới thấy là một. Bây giờ trong chi tiêu, việc công, việc nước, việc gì cũng sinh ra lệ phí... lệ phí... xin kể một thứ lệ phí tai quái nhất là ngắm cảnh cũng phải đóng lệ phí. Chùa Hương thắng cảnh thế lệ phí phải to r ỏi. Còn chùa Tr ần tôi không vào chùa nào cả, tôi chỉ đi tắt đường Tr ần sang Th ầy r ỏi ra Phùng cũng phải đóng lệ phí, người ta mới nhắc cái tre ngáng cho xe tôi qua.

Lên Tam Đảo thì nhiều thứ phí lắm, tất nhiên lên đấy tôi mất tiền ăn, tiền nghỉ nhà trọ. Nhưng mới đến chân núi đã có cây tre chắn ngang của xã địa phương và công an thị trấn gác và thu tiền chung nhau. Trước tiên, là thuê người, lệ phí ngắm cảnh r ỏi lệ phí xe máy, lệ phí ô tô (ai bảo anh đi xe máy, ô tô). Mà lệ phí ô tô gấp mấy lần tiền thuê người ngắm cảnh và thuê xe máy. Có hỏi sao thu nhiều thế thì được giải thích: điêu trông xe ban đêm (mà từ đây lên đấy đến nơi nghỉ còn mười mấy, hăm mấy cây số), mà các ông này mấy khi đã lên... Ai bảo anh ng ỏi ô tô!

Ở Hà Nội có hai nơi danh tiếng thu lệ phí người vào. Đấy là đền Quan Thánh và đền Ngọc Sơn. Ở nơi đền chùa miếu mạo danh tiếng, đâu có đặt hòm công đức. Khách vãn cảnh, lễ chùa mà có lòng thành thì tùy tâm tự nguyện bỏ tiền vào hòm công đức. Phong tục ấy đã có lâu r ỏi, chỉ có những cái lệ phí vào đền ấy thì mới sinh ra vài ba năm nay thôi.

Chắc chắn là lệ phí để chia nhau “b ối dưỡng” chứ làm sao đủ dùng tu sửa nơi thờ cúng được (mà tiền ý có làm không thiêng). Từ khi sinh ra cái bàn thu tiền này ở Tam quan đền Quan Thánh, ở đầu cầu Thê Húc thì nơi này vắng hẳn người vào. Đến Tây cũng ít vào vì vào lại bị “chém” đau.

Còn tôi nhất định tôi không vào r ỏi, dẫu cho thỉnh thoảng cũng nhớ nhớ cảnh đẹp về nơi tôn nghiêm. Không phải tiếc tiền dẫu cũng tiêu, nhưng chính là ngại bực mình thì mất vui.

NÊN CÓ NHỮNG CHỈ DẪN

Trong các lớp phổ thông có môn sử. Ngoài học môn sử nói chung, Bộ Giáo dục khuyến khích các địa phương cần được cho học sinh hiểu hết về sự tích đình đền, gò đống, miếu mạo, phường phố và các ngành nghề cũng như lịch sử làng xã. Lịch sử cách mạng làng xã cũng là lịch sử cách mạng địa phương. Nhờ những sự việc cụ thể, học sinh biết yêu đất nước, dân tộc thông qua những mắt thấy, tai nghe trước mắt.

Một buổi thăm quan di tích Hoàng thành Hà Nội. Trong thành còn hai đền rồng đá trước điện Kinh Thiên. Cổng thành và tường thành vẫn nguyên những cánh cổng, những bờ rào, cầu vào cổng thành không còn. Chân thành có một cái hốc tạo thành cái lỗ thuồm vào tường, đây là vết phát đạn đại bác của tàu chiến Pháp ngoài sông Hồng bắn cầu vòng vào thế kỷ trước. Thành bị phát hỏa quân Pháp tràn vào, tổng đốc Hoàng Diệu đã trở vào nội thành viết thư tuyệt mệnh rồi thắt cổ hy sinh trên cảnh đại ở Võ Miếu.

Quang cảnh thành cũ và vết đạn đại bác của Pháp ngoài sông bắn vào đã là những chứng tích cả trăm năm còn lại. Các cô cậu học sinh bây giờ học sử sách lại được đứng giữa chiến trường xưa, chắc hẳn là trong lòng có suy nghĩ, những cảm kích không phải chỉ đọc thấy trong sách học. Ở Hà Nội, những sự kiện lịch sử đáng ghi nhớ ấy còn có bao nhiêu hết quanh ta. Ở nước Pháp, Anh, Mỹ, ngay trong những ngôi nhà một phòng ở mà Hồ Chủ tịch đã ở qua trong thời còn thanh niên đầu đánh dấu lại như một dấu tích lịch sử, một bậc vĩ đại. Ở Hà Nội, trận đánh oanh liệt ở chợ Đồng Xuân trong 60 ngày đêm bị vây, một tấm bia đá lớn đã được khắc kể lại chiến công ấy. Ở Vacsava thủ đô Ba Lan bị phát xít Đức san bằng trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, những nơi bị phá hủy đã được xây dựng lại như nguyên từ màu tường đến hòn đá, hòn gạch xây. Ở những nơi có du kích chiến đấu đầu có tấm bia khắc đá ghi lại chiến tích và người dân kỷ niệm, nền thấp như sao sa.

Trong cuộc xâm lược của Pháp hai lần đánh chiếm ở Hà Nội, chiến công của quân dân Hà Nội rất oai hùng, cần được ghi lại, ở nhiều nơi người Pháp cũng đã ghi lại những chiến bại ấy. Lẽ nào chúng ta lại không có một dòng chữ nào những nơi đã có chiến công.

Đền Thủ Lệ, ngày trước Pháp cấm cái bảng xi măng đề là: “Chùa Bovic-Prgodc Paric”. Đây chính là nơi quan ba Paric Pháp tử trận trong trận hôm đánh ra Cầu Giấy. Paric chết ở đây, Pháp đặt luôn nơi ấy là “chùa Paric”. Tôi còn trông thấy cái biển xi măng ngày ấy ở đền Thủ Lệ.

Ở quảng Đê La Thành bây giờ gần cơ quan Đài tiếng nói Việt Nam ngày trước còn có cái mả giả của quan ba Franic Garien chết trận ở đây. Bây giờ đã là cánh đồng, bây giờ đã là đường cái.

Ở chỗ cửa cơ quan Bưu điện Cầu Giấy bây giờ, ngày trước còn cái mả giả gọi là “mả quan năm”. Đây là nơi quan tư Hanri Rievicll chết trong trận đánh Hà Nội lần thứ hai. Pháp xây cái mả giả và một tảng đá lớn như tấm phản, giữa khắc khuôn mặt viên quan tư bằng đồng chết trận, chung quanh là đường sỏi trồng những cây bàng và có bờ rào bằng xích đồng.

Cách đây khoảng chục năm, ở bờ hè cơ quan bưu điện quận còn viên đá tảng, có bà hàng nước ngồi, bây giờ không thấy tảng đá nữa, có khi người ta để làm bàn giặt hay đã nung vỡ rồi. Mọi việc, quang cảnh tôi đi qua, nếu dẫn học sinh đi thăm quan đã là có thể như thấy được chiến trường và chiến công xưa của lịch sử giữa lòng Hà Nội.

Trong thành phố qua các đời, mọi di tích chứng minh những tên phố cũng là những điếu nhớ lại trong khi mỗi ngày một đổi mới, trước cái mới nào cũng có quá khứ, có người hôm qua của sự việc, của nhân vật. Thời kỳ chuẩn bị tổng khởi nghĩa, thời kỳ 1935 – 1945, xung quanh Hà Nội, khu Trung ương Đảng và Thành ủy đã có những di tích lưu niệm. Nhưng việc bảo tồn cần tập trung và phát triển: những nơi có trận đánh, nơi có hầm hố, có người hy sinh...

Cái cột đồng hồ ở đâu, chỗ nào trên đê nơi trung đoàn thủ đô khi rút ra khỏi thành phố từ ngõ Phất Lộc đã lấy điểm cột đồng hồ làm hướng để rút

quân xuống bãi sông Hồng.

Nhà Đấu Xảo bây giờ là cung văn hóa Hà Nội trước Quảng trường 1-5, khởi đầu là trường đua ngựa, sau người Pháp lập khu Đấu Xảo. Năm 1938 đã có cuộc mít tinh rất lớn của công nhân và nhân dân Hà Nội kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1-5. Nơi đây đã bị máy bay Mỹ ném bom Nhật phá hủy cả khu và dãy phố bên cạnh, khi mới hòa bình ta làm hội trường đại học nhân dân và sân khấu ngoài trời. Khu Đấu Xảo cũ vẫn còn dấu vết là Câu lạc bộ Thăng Long bây giờ, câu lạc bộ là một tòa nhà của Đấu Xảo.

Khu mà người vô thừa nhận năm đói 1945 ở khu Hai Bà Trưng là một nơi chứng tích của tội ác Pháp và Nhật ở miền Bắc làm chết hai triệu người cũng cần có chứng tích ghi lại.

Cũng như chợ 19-12 (kỷ niệm ngày Hà Nội và Toàn quốc kháng chiến 19-12-1946) ở đường Lý Thường Kiệt. Người ta thường gọi là chợ Âm Phủ. Hai chữ Âm Phủ cũng có sự tích của nó. Pháp đã chiếm lại thành phố năm 1947 trong cảnh đổ nát hoang tàn, xác người và rác rưởi tập trung vào một hố cao thành gò, rồi thành ngôi mộ tập thể có cây thập bằng xi măng và cỏ cao ngút ngàn. Thành phố lập chợ, những hài cốt không người thừa nhận ấy được đưa về nghĩa địa của thành phố. Cái tên chợ Âm Phủ ra đời từ đấy, ở chợ các hàng quán thường thắp hương suốt buổi chợ.

Lại nói về những cái hầm chiến đấu cửa lộ thiên, nửa dưới đất của Pháp lập phòng thủ xung quanh thành phố gọi là phòng tuyến “Đờ tát Si Nhi”. Rải ra xung quanh tất cả bốn phía Hà Nội đều có những lô cốt kiên cố ấy, lính lê dương và ngụy binh canh giữ ngày đêm.

Khi mới hòa bình, nghe nói Bộ Quốc phòng có lệnh: Đây là những di tích chiến tranh phải giữ lại, không được phá hủy. Nhưng cái lệnh đã ra mấy chục năm qua, bây giờ đi qua cầu sông Cà Lồ và những cánh đồng mênh mông ở ngoại thành, nơi đã thành phố xá, nhà cửa còn đâu những bờ rào, tường thành, lô cốt nữa. Có chăng còn nhớ một lô cốt nửa chìm nửa nổi ở công một cơ quan đường Hoàng Quốc Việt. Nó đã biến thành một bên cột cổng to uy nghi, không ai còn biết là cái lô cốt cũ nữa. Và một cái

lô cốt nữa ở cuối phố Bà Triệu, thì người ta đã cải tạo nó thành một hộ
đoàn hoàng có người ở đấy đã mấy chục năm nay rồi.

Tôi nghĩ tất cả những gì kể trên đều là di tích. Học sinh học Hà Nội học
phải biết học sinh Hà Nội, học lịch sử Hà Nội. Tại nghe mất thấy những cái
xưa kia ấy, những trang sử về Hà Nội mới được bổ sung đầy đủ được.

MÙA CƯỚI! MÙA CƯỚI!

Cái vui đã đến và cái lo bò theo. Thiên hạ bấy lâu nay đua đòi tốn quá! Lo mà vẫn phải lao vào. Cũng như người ta có tiền rủng mĩ hời này thích sắm máy giặt. Tôi thì cứ trông thấy cái máy giặt mà thương quần áo, cái máy vô tình cứ vặn, cứ vò, cứ xát, chỉ một nhát cái lưng áo mớ hôi dầu của tôi đã bạc ra ngoãng một miếng và đứt cả khuy. Mình có ở bên Tây đâu mà lấm quần áo, nhưng mà nhà nó ôm ồm chó Nhật sắm máy giặt Ý, nhẽ nào nhà mình đang được tiếng máu mặt nhất phố mà lại chịu kém ai? Ấy gà tức nhau tiếng gáy thế ấy.

Còn chuyện cưới xin thì sao? Chuyện gả bán hoặc cả ngấm ngấm những cây những chỉ thế nào thì không biết, chỉ mắt thấy tai nghe cũng nhiều cái sướng đời lắm! Xin nêu ra bằng cách so sánh nền nếp đám cưới xưa với kiểu cách cưới xin bây giờ. Hay là hơn kém có đi đâu thì bình, có đi đâu để bạn đọc nghĩ hộ xem.

Cái sự cưới xin là việc vui mừng thì dẫu cho có khó khăn ai cũng phải lo rỗi. Đưa dâu đón dâu, sắm sửa quần áo mới và họ hàng bạn bè ăn mừng vài ba mâm. Còn như hai bên nhà trai, nhà gái cùng thông cảm châm chước cho nhau đỡ tốn kém thì cùng thông cảm thật quý. Chẳng có gì thì cũng đâu ra đấy, nếu không, cả trong xã hội cũ và bây giờ miệng thiên hạ độc lắm: Chửa sẵn, đi theo không, ông bà ông vải chẳng được nén hương.

Cái đáng nói bây giờ lại là sự đua đòi lối lạng. Ngày trước cưới cô dâu ăn mặc đẹp, từ vòng xuyên tới tẩm áo dài. Nhưng đấy là cái thường ngày, hôm ấy được mặc đẹp hơn, sang hơn như mọi khi cô mặc áo the. Hôm ấy cô dâu áo trắng voan bay, cổ cao kiêu vai bồng, khăn nhiễu và thường ngày vẫn chăm thoảng một chút phấn son thì ngày vui ấy, phấn sáp rục rở hơn đôi chút. Bây giờ thì cô dâu ngày cưới hiện ra cô diễn viên đoàn kịch chèo ra sân khấu. Váy voan ba bốn tầng lướt thướt và khăn voan trắng đi thuê choàng cổ, lại thuê người kẻ lông mày, bôi môi son, trát má phấn khác hẳn mọi khi, chẳng còn như thời các cụ là vẫn lướt là chỉ khác một và sang

trọng hơn. Ở đâu phát sinh ra cái trò nhố nhăng này, xin thưa ấy là bắt chước cô dâu ở phim ảnh trong đám cưới bên châu Âu. Quê ta thì chưa lan tới được nhưng vùng ven nội ngoại thành đã lác đác. Cô dâu chú rể ở cùng xóm thì nhà trai đi bộ vài bước đón dâu, ở làng khác thì đi xe đạp, đèo xe đạp. Nhưng thói nhất là ở ngoài phố hai bên cách nhau mấy số nhà, thuê một loạt xe ô tô cô dâu chú rể lên xe xịt chạng hoa trắng xung quanh trên mũ để con búp bê (cũng lại bắt chước Tây). Đoàn xe diển cả tiếng đồng hồ qua các phố khác rồi trở về đỗ ngay cạnh đường chỗ lúc ra đi. Cái lối vòng vèo ô tô đi ấy bây giờ khá phổ biến, ngày trước cũng có đám cưới làm thế báo chí chửi rần rĩ. Tức là những cái rởm này từ nửa thế kỷ lạ vậy mà vẫn không chừa.

Thế nào cũng rước một đám nhạc hát toàn tên tuổi sừng sỏ, trống kèn inh ỏi, nhạc hát gào lên đỉnh tai, nếu không thì cũng cái loa âm ỉ, người người ngửi đám cưới nói chuyện phải hét vào tai nhau. Đám cưới xưa nhà giàu có cũng mời cô đầu về hát nhưng đào kép ngửi chiếu gian giữa, trống phách, lời ca tiếng hát trong nhà êm đềm.

Bây giờ chạng đèn tổ tôm xóc đĩa thịt nhau, lạ thay đánh bạc ở đám cưới đám ma thì lại không phải là vi phạm tội đánh bạc, rồi ngả lợn bò chèn mấy ngày rông rã là chuyện thường. Ở thành phố còn tốn kém gấp mấy lần. Tiệc mặn đặt ở nhà hàng 100, 200 mâm cỗ, lại còn bánh kẹo, trà thuốc đại trà. Người nào đi dự cũng có phong bì tiền mừng (khỏi người méo mặt đấy). Có đám rồi sau tính ra thì vừa, có đám lỗ ít nhiều, có đám lãi to cho nên cứ bỏ tiền ra hay đi vay cay cú bạt mạng vì đám cưới.

Đằng sau đám cưới thời nay biết bao lo toan và nhố nhăng nhưng mà chẳng ai bảo được ai, bởi vì bệnh tham, bệnh sĩ vốn là tật hư của con người. Vả lại người ta giàu, người ta có thể lực. Với lắm người (quan to) cũng là một dịp hốt bạc, vả lại người ta có quyền tự do ăn chơi, chẳng luật pháp nào cấm ăn cỗ, mừng rỡ biểu xén cả.

Nói thế ra là cảnh cưới xin trên là kém văn minh và mất tính cách dân tộc. Thiết nghĩ công tác nếp sống văn minh gia đình văn hóa của Ủy ban

Mặt trận Tổ quốc và cơ quan văn hóa ở các cấp phải ngó đến. Đã nhiều thất bại, lằm tan vỡ những quy định máy móc trong cưới xin và nếp sống văn hóa nhưng không vì thế mà buông trách nhiệm vận động thực hiện những quy định về cưới xin hợp tình hợp lý, vui và đẹp ai cũng chấp nhận được là việc làm cần thiết.

MÙA BÃO CHỐNG CÂY ĐỔ

Ai ở Hà Nội từ năm 1954, ngót 40 năm nay hẳn đã chứng kiến những trận bão vào Hà Nội, mỗi năm khi mùa mưa bão tới. Có năm gió giật cấp 11 – 12, to hơn cơn bão số 1 năm nay nhiều. Lần nào đường cũng úng ngập, cây cũng đổ. Nhiều năm cây đổ dữ dội chẳng kém năm nay. Nhưng cái mới năm nay là mùa bão ở thành phố ta bị thiệt hại mỗi ngày một lớn (chết người, sụp nhà, hỏng điện, vỡ cống, nghẽn đường).

Bão giông bão là việc trời không can được. Nhưng thiệt hại thì liên quan tới người, phải tìm cách hạn chế và hạn chế được. Tiếc thay, mỗi khi bão tan, người ta chỉ biết thống kê cái còn, cái mất mà không làm việc tiếp theo là tìm nguyên nhân, quy trách nhiệm, ai trông cây ấy, tại sao cây đổ (hay không đổ) để có công thì thưởng, có khuyết điểm, có tội thì khiển trách, đổi công tác, cách chức hoặc truy tố. Chưa bao giờ làm được như thế, chỉ bởi một lẽ đơn giản: Mấy chục năm nay, những cơ quan phụ trách về cái cây Hà Nội cứ mỗi năm lại thay đổi một cơ quan, một cái tên khác và những người phụ trách cái cây cũng chạy quanh đên cù chuyển đổi tổ chức và trách nhiệm, biết cơ quan nào mà quy, thì giờ đâu lần ra ai đã ra lệnh trông cây ấy gây nên tai hại mà khen, mà quở. Do vậy, lỗi đầu tiên là ở cơ chế và tổ chức.

Sau cơn bão số 1, sở Giao thông công chính đã họp với các cơ quan, các công ty hữu quan về vấn đề cây để bàn bạc và xác định cơ cấu, phương hướng đầu tư, phát triển cây xanh đường phố Hà Nội để lấp vào chỗ cây đổ và để xem trông cây thế nào được dài tuổi thọ. Thời Pháp thuộc, ở Hà Nội cây cối cũng sum suê như bây giờ nhưng không bị đến nỗi sau một trận bão hâu như phố nào cũng có cây đổ.

Cây xanh ở Hà Nội là một vấn đề của văn hóa và bộ mặt đẹp thành phố cần phải được giữ gìn. Nhất là mới bắt đầu mùa bão, còn phải chống bão suốt mùa và không nên để bão xong chỉ lo sửa, chặt, dọn...

Cơn bão vừa rồi – thật ra, bão đến Hà Nội cũng không còn mạnh nhất

như vùng bờ biển Quảng Ninh, Hải Phòng phải chịu, vì Hà Nội vốn ở sâu trong đất liền, nhưng gió lay, gió giạt bốn phía, đổ cây, đổ nhà thiệt hại cũng không nhỏ. Theo thống kê của các cơ quan có trách nhiệm, vừa rồi có tới trên 500 cây bị đổ, trong đó cây xà cừ đổ quá nửa. Những cây xà cừ đổ đầu là những cây to như cổ thụ. Các cây khác đổ hoặc vì cây còn nhỏ, hoặc vì cây già đã cỗi ruỗng, gió lướt cũng đánh ngã được.

Ở Hà Nội thời trước, bão to cũng chỉ hay đổ cây sấu, vì sấu cành giòn và rễ cái ăn nông. Ngoài ra, cành me, cành phượng cũng thuộc loại gỗ tạp, hay bị gãy chứ cũng ít đổ.

Cây cối đường phố thời Pháp, trách nhiệm hồi ấy do sở ươm cây trên bờ Hồ Tây đầu đường Thụy Khuê – nơi này chuyên việc ươm giống hoa công viên và cây phố. Bây giờ thành phố ta vẫn tiếp tục công việc ấy và nơi ươm cây vẫn ở đấy.

Cây hai bên đường phố, người Pháp đã chủ trương không trồng cây trong vỉa hè phố chính, phố đông mà vỉa hè hẹp. Cây chỉ được trồng đầu đặng các phố hai bên có bờ hè rộng rãi (gọi là đại lộ). Cho nên, ở những phố Hàng Ngang, Hàng Đào, Tràng Tiền, đường Huế không trồng cây, trừ mấy cây đa, cây đề cổ thụ đứng một mình hàng trăm năm trước khi Tây sang ở Ngõ Gạch, ở Hàng Gai, ở Bông Nhuộm, một số phố khác và trước các đền miếu bây giờ vẫn còn. Ở những phố trồng cây, có một chi tiết cần thận nên lưu ý: Quanh gốc bao giờ người ta cũng để chừa một khoảng trống vuông hoặc tròn – ở các thành phố lớn nước ngoài khoảng trống ấy được đặt trang trí một khung sắt có hoa văn chứ không xây trát xi măng kín xung quanh gốc như đóng gông, trói chân, bóp cổ cái cây không thở được như ta đã làm nhiều cây như thế quanh hồ lớn bây giờ.

Những cây trồng trong phố đều có chuẩn bị nhất định: cây có bóng mát, cây không có hoa quả rụng làm bẩn đường, cây có rễ cái không dễ bị bão đổ, nhưng lại không phải rễ cái có thể ăn hỏng các công trình ngầm. Những cây được trồng nhiều là sấu, xoan tây, sưa, nhội, sao, phượng (cây nhập nội). Cây bàng tán mát to thế, nhưng chỉ được trồng một hàng trên đường

đê Yên Phụ. Ít trồng cây bàng vì đến mùa hoa lá, bọ xít, bọ hung, cánh cam, cánh quít về nhiều, ỉa bẩn và mùa quả rụng làm phố mất sạch. Cây đê, cây si cũng không được trồng vì rễ si ăn sâu có thể làm thủng cống nước.

Hiện nay, đường phố Hà Nội – kể những cây trồng từ thời Pháp, cũng còn một số cây khác, nhưng không do người ta chủ động trồng mà chỉ bởi tự nhiên, như một số cây đa, đê, si được chim tha hạt vào mọt thành cây. Các phố Hàng Bạc, Hàng Bưởi có những cây dứa quả rụng lầy lội cũng do chim tha hạt. Và gần đây vài ba cây bàng, cây bằng lăng mọc lên là do chủ nhà tự ý trồng trước cửa lấy bóng mát.

Như vậy, mặc dầu có ươm giống xà cừ nhưng cây xà cừ đã không được trồng làm cây lấy bóng mát, dù cây không làm bẩn đường sá và rất khỏe, mọc nhanh, chỉ hai năm đã có tán lá bóng mát.

Tại sao vậy?

Cây xà cừ trên đường phố hiện nay – mà tên khoa học của nó là *Khaya Senegalensis* A Juss, họ xoan (đọc tên cũng biết là cây châu Phi) trước kia sở ươm cây chỉ trồng thử vài cây ở đầu đường Cổ Ngư, mà không trồng đại trà như ta trồng hiện nay. Cây xà cừ này vốn là một giống cây châu Phi, cây nhập nội – cũng như cây phượng quê ở đảo Tân Ca-lê-đô-ni. Mỗi giống cây mọc lên ở đâu đâu có những thích ứng riêng để sinh tồn hợp với khí hậu, thời tiết nơi đó. Cây châu Phi mọc trên đất lẫn cát sa mạc. Châu Phi không có bão như các vùng nhiệt đới cho nên cây xà cừ, cây chà là, cây cọ tuy lực lưỡng mà không có rễ cái. Ta thử để ý một cây nhãn, một cây bằng lăng, bao giờ ở giữa bộ rễ chùm, rễ phụ cũng có một rễ cái cắm sâu hẳn vào lòng đất. Cây sấu kém rễ cái thì rễ chùm to rộng bằng tán cây, bám đất rất chắc. Do vậy, gió to khó lay và thực rất thích ứng, đối phó được với tự nhiên của vùng cây sinh sống. Cho nên cây xà cừ châu Phi ở Hà Nội, tuy mọc rất nhanh, nhưng chỉ gió to giựt cũng đã chổng vó lên cả bộ rễ chùm nông chèo – bầm sinh ở quê hương nó, rễ chỉ có thế, cây càng to càng dễ kèn, vì nặng đầu nhẹ dít, khi cây mọc ở xứ nhiệt đới mà lại ẩm

ướt.

Mỗi trận bão cây đổ, thiệt hại của công thì nhiều song lại béo bở những người hôi củi – vừa rã, cơn bão số 1, người trong phố kéo nhau đi cưa cây từ nửa đêm, lại nữa, cây xà cừ hộ pháp, đường kính rộng cả thước, người ta lấy gỗ về bán cho các nhà làm đồ mộc, làm thớt ở Sặt, ở Bùng. Dọc đường 5 hay bày bán giường, bàn ghế choáng lộn đầu gỗ xà cừ tươi cả. Và những cái thớt được quây vào bán ở phố, đẹp mã lắm, nhưng chỉ chặt mạnh nhất dao, cái thớt rớm đã toác đôi.

Ở Hà Nội thời trước, cây đường phố tuyệt nhiên không trồng xà cừ. Vì người ta đã biết được cái lợi, cái hại trước sau của giống cây này. Còn ta bây giờ trồng bạt mạng, cốt lấy bóng mát nhanh và lấy cái để báo cáo thành tích. Riêng mấy ông công nhân già trước kia làm ở sở ươm cây thì biết cả, nhưng chỉ vừa xót xa vừa cười thẫn. Vất vả bao nhiêu, một cây xà cừ đổ kéo theo những tổn kém mất mát vô kể, nhất là thành phố lại đương trong nhịp độ phát triển. Và những người nước ngoài hiểu biết chắc chắn sẽ ngạc nhiên về sự lãng phí của ta, hết cả cây hay sao mà lại đi trồng những cây nhập nội hễ gió to là đổ. Trên thế giới chẳng thiếu những cây được trồng cảnh đẹp đúng chỗ, khách chơi đã đặt tên thành phố cây xà cừ ở An-giê-ri, ở Tuy-ni và ở Bắc Kinh, thì thành phố cây hòe với những rặng lê liễu, bồ liễu. Hà Nội có thể là thành phố cây sao, cây nhội, cây ban, cây bằng lăng và những rặng liễu ven hồ, những loài cây đã quen thổ ngơi và quen mắt.

Những cây xà cừ gây hại nhiều phen rã, không phải chỉ lần này, không nên vô trách nhiệm mà trồng nữa.

(1994)

MỘT BUỔI TỐI ĐI CHƠI

Đã lâu mới lại có dịp vào cung Hữu Nghị. Quảng sân thật rộng trước Quảng trường 1 – 5 vừa chập tối, trai gái thanh thiếu niên quần áo màu nâu màu đen sắp hàng từng tốp luyện võ. Gió mát lồng lộng lên những cột cao trắng mờ phảng phất kiến trúc Trung Á bát ngát vào khắp thiên sảnh.

Chẳng may, cái thói tôi cứ hay để ý những khác mắt lặt vặt, tẩn mẩn. Ghê gớm gì, nó chỉ như nốt muỗi đốt, vết xước da ngứa ngáy khó chịu đôi chút. Ngày trước vào cung Hữu Nghị, ngược mắt lên mặt tường lại thấy mất cái nắp ổ điện bằng sứ, cái chỗ ấn chuông báo động, báo cháy... Ông nào bà nào có tật lầy vặt hay là trẻ con nghịch ngợm ngứa tay bất cần thể diện ở nơi công cộng. Tất nhiên, những cái nhỏ nhen ấy cũng thật cần thiết nên cơ quan trách nhiệm lại phải lắp ngay cái nắp mới, cái nút ấn mới. Mà rồi lại mất. Lại đưa khác lấy, hay vẫn đưa ấy, cái tính cái bệnh ăn cắp vặt mà. Lắm hôm trông lên tường thấy những chỗ ổ điện chơ lơ, cái lỗ không nắp ở ngay cửa ra vào, tường nhà vệ sinh, ở bậc lối đi, mà tòa nhà thì đồ sộ nguy nga, mà người qua lại rầm rập, có nhiều khách nước ngoài. Nghĩ cứ ngượng thẩn.

Bây giờ thì hay rồi. Những bức tường phảng phất sáng sủa, đẹp mắt. Chẳng biết cái bệnh ăn cắp vặt ở nơi công cộng đã đỡ phần nào chưa, nhưng mà ở đây thì không thể còn làm gì được nữa. Những cái ổ điện đã được lắp chìm vào trong tường. Chắc không đưa nào mang sẵn cái dùi đi mà đứng lại loay hoay nạy ra được.

Những cái ổ điện, ổ bấm đã sạch sẽ, bóng nhoáng, như con mắt hiền nhiên của trẻ thơ. Không ai còn nhớ ở đây trước kia có những cái nắp ổ điện thường bị mất trộm.

Trong nhà hát, đèn sáng choang, những hàng ghế đệm vải hay dạ đỏ rực. Có bốn hàng ghế, khách vào sau đỡ phải nghiêng người lách trước mặt nhiều người, cải tiến rồi đấy. Nhưng tôi vẫn ngờ ngợ có cái gì vẫn như trước, rồi tôi nhận ra đấy là những cái ghế vẫn đóng liền nhau một hàng.

Chỉ hơn các hàng ít chỗ ngồi hơn, nhưng vẫn là ghế anh em sinh đôi, sinh năm.

(Không được như ở các hàng ghế đầu trong nhà hát thành phố, mỗi ghế riêng nhau. Nhưng nhà hát ấy cổ đã cả trăm năm, mặt bằng dốc nghiêng cho đến chỗ hạng nhất thì trũng hẳn, khi đèn điện chưa bật hết, cái khoảng sang trọng ấy hơi tối. Nhà hát đã được đại tu công phu, nhưng vẫn giữ nguyên lối cũ. Các lan can và phù điêu mạ vàng choáng lộn, nhưng ở chỗ ấy thì chao ôi muối, bao nhiêu là muối, mà toàn muối dói đốt chổng đít lên, vổ một cái tóe máu trong lòng tay. Chắc là vài hôm mới có hội, người ta sợ ý không làm vệ sinh xịt thuốc diệt muỗi trước. Chẳng biết bây giờ nhà hát thành phố đã phát hiện ra cái nông nổi muỗi dói rình đốt khách ở chỗ lịch sự ấy chưa?)

Xin trở lại, tôi đương bước vào những hàng ghế phủ vải đỏ ở cung Hữu Nghị. Và cái sự tôi ngờ ngợ có cái gì vẫn cũ, cái gì ấy đương trở lại, nhưng không phải là muỗi dói mà là một ông mới đến chỗ ghế đầu, buông mình ngồi huych xuống. Cái ghế tôi lập tức rung theo. Vẫn là chuyện đã xảy ra từ mấy chục năm trước. Suốt buổi tôi hồi hộp đợi ông ấy rung đùi, lại sẽ rung cả lên tôi như xưa. Nhưng không thấy. Chẳng biết có phải ông khách nọ không mắc bệnh rung đùi hay là bởi cái ghế tập thể được đánh vít đóng chắc hơn trước.

Tôi ngồi hạng A, trước mặt không còn hàng ghế nào nữa, oách nhất rạp. Trước mặt tôi là một dàn loa cả mấy chục ống phóng thanh to bằng những cái thúng chĩa ra. Một ông bạn tôi ngồi hàng ghế C lúc mới vào đã nháy tôi: “Chuồn xuống đây với tớ, ngồi chỗ ấy thì bị tra tấn đến nơi”. Tôi chưa kịp hiểu tiếng lóng “tra tấn” nhưng tôi ngại rắc rối, chen ra chen vào, tôi ngồi yên. Quả nhiên, rồi thấy ghế thật, tra tấn chắc là thế này đây. Chẳng biết ở những sàn nhảy nhạc lác, hát lác, nhảy lác thì thế nào, ở đây nhạc và hát, cả mười cái thúng phóng thanh xò ra đâm vào tai, tiếng nhạc hò hét đình tai nhức óc, giạt cả vào trong ngực, khiếp quá.

Các ông khách nước ngoài ngồi láng giềng tôi đã ra về cả. Tôi nấn ná,

cố nấn ná, sau cũng đâm hốt hoảng, nó rục lên đầu mất, lão già tôi đành phải chuồn. Cũng không nhác mắt vào hàng ghế dưới xem có thấy cái ông đã xui khôn tôi có còn đấy không.

Ra cửa, lại gió mát hây hây thổi qua hàng hiên những cái cột đá trắng thật mát, thật đẹp. Thoát khỏi những đòn tra tấn, tôi lại nghĩ mình thật lạc hậu, lạc loài, người ta ngỡ xem cả rạp thì sao, nhưng ngoài này gió mát trắng sáng tôi mới ung dung bình thường lại người, chẳng tiếc rẻ tí nào.

Tôi ra bờ hè vẫy cái taxi. Xe bon tới, đỗ xích. Người lái xe nhào tay mở cửa, cuống quýt nói: “Cụ lên nhanh, nhanh lên cụ ơi!”. Tôi đã vào xe. Nghe tiếng đập ùng ục đằng cốp xe, quay lại nhìn, nhìn thấy hai thằng cởi trần, áo vắt vai, đương hùng hổ chạy theo đá cái xe, lại như toan nhảy lên. Nhưng cái xe đã vút đi.

Tôi hỏi:

– Cái gì thế?

Người lái xe nói:

– Bọn trấn đấy. Hai thằng này ập đến bảo cháu: “Tao có dao trong người đây. Nhưng mà chưa cần, mày nôn ra một trăm thì chúng tao tha”. “Em chỉ mới kiếm được hai mươi nghìn”. Chúng quát: “Không nôn đủ hả?”. Giữa lúc ấy, cụ vẫy, cháu phóng lên, chúng nó đuổi theo. Phúc cháu quá.

Lại nói:

– Chúng nó chẳng có dao, có súng trong người đâu, cụ ạ. Bọn này đói ăn, đói hít kiếm vật ấy mà. Bây giờ nhan nhản, nhiều lắm.

Tôi bỗng thấy thật ngạ. Cái thằng này cũng sắp quát tôi nôn ra thì sao?

LOÃNG QUẢNG TRÊN PHỐ

Không muốn nhớ nhưng cứ nhớ. Chỉ vì không thể quên, thế thôi. Mình hôm nay cũng là mình năm ngoái, năm kia, bốn năm mười năm trước, một già, một trẻ con cũng chỉ một. Ông lão mỗi buổi sáng lững thững bách bộ và thở sâu quanh hồ Hoàn Kiếm. Ngày trước, ở chỗ kia, năm nào còn là nhóc trèo lấy sung non nhá chấm muối. Cái chỗ góc bầy cây lộc vừng, sáng đèn sáng trắng lấp loáng bóng tối, ở bóng cây qua cửa sổ, chốc mà ra ngoài năm mười năm, ông đã ng ỡ đây tình tự với ai, với những ai. Chỉ một thoáng nghĩ, cuộc đời giăng co, lẫn lộn chan hòa.

Thật yêu cái ông nhà văn Amando đặt tên tập h ữ ký của mình đại để là “Nhớ lại chống lại”. Chẳng khi nào nghĩ lại mà chỉ có xa xưa, những ngày qua đương trở lại trong hôm nay kia mà.

Chợ Hàng Da đã biết bao vật đổi sao dời. Những c ầu chợ cũ đã bị đổ từ chiến tranh thế giới thứ hai, từng đoàn máy bay hai thân của Mỹ, của Anh vào ném bom nhi ều l ần xuống thành phố, nhà Đấu Xảo, ngõ Hàng Dừa, Qu ần Ngựa, chợ Hàng Da... Thế mà cứ như lão Tây lùn có cửa hàng tạp hóa ở ngay ngoài c ầu chợ với cái bàn quay số. Mão Tây già lùn một mẫu, nghiện thuốc phiện so vai, râu ngạnh trê đứng nhìn người vào xem hàng, mua hàng, người vào đánh số. Cái bàn tròn, người đặt ti ền vào từng ô. Xem chừng đã đông người chơi, Tây lùn trịnh trọng giơ một ngón tay đẩy cái đ ầu. Mỏ cò đứng ở ô nào, ô đấy được ăn. Cái siêu động đun nước, thước lựa bom bay tím, có khi một đ ồng ăn mười đ ồng. Nhưng một ô trúng thưởng thì chín ô thua. Người mất ti ền đứng trơ mắt ếch nhìn Tây lùn gạt những đ ồng xu, đ ồng hào xuống cái hộp chằng dây thép vào chân bàn, chiếc khóa cũ từng đóng to bằng khúc d ẽ lộn.

Nhà bán đ ồ cũ gọi là nhà “tam tam”. Chẳng biết của người ta gửi bán hay đ ồ đạc bị đội xếp, bị tòa án tịch thu. Khi tôi biết đi phố chơi thì cái nhà “tam tam” này đã chuyển từ Hàng Khay về Hàng Trống. Nhà văn Nguyễn Công Hoan kể: Gọi là nhà tam tam vì mỗi khi mở cửa bán đấu giá, thường

có cái xe tay kéo chiếc trống cái, một người đi bên xe gõ trống đánh tiếng mời khách. Không biết phải thế hay bởi phố ấy vốn là phố Hàng Trống, tiếng Tây “tam tam” nghĩa là cái trống.

Người rồi rãi vào xem đứng vòng trong vòng ngoài lan can đông người hơn người mua. Đến lượt đấu giá cái sập gụ. Ông đứng bán mặc quần áo Tây trắng lố, thẳng nếp, cà vạt đeo chỉnh tề, tay cầm chiếc vò gỗ. Ông hô: Đặt giá cái tủ chè một trăm đồng, ai mua? Có người nói 80, có người tới 90, có người chen vào nói to một trăm một đồng đây. Ông cầm cái vò gõ thong thả to tiếng nhắc lại ba lần đầu đặn tiếng Tây pha tiếng ta “oong, đơ... một, hai, ba... ai đặt hơn giá một trăm một đồng... ai mua hơn?”. Xung quanh im lặng, thế là ông cộp vò xuống mặt bàn xướng to. Bàn này! Người mua được cái sập gọi đám cu li vào khiêng đờ ra cái xe cút kít đã đỗ đợi bên vỉa hè.

Rồi đến cái đình đồng... rồi đến bộ tam sự...

Cả thành phố chỉ có nhà cho thuê cưới hai tầng ở cuối phố Phùng Hưng bây giờ. Hôm nào không có khách, cửa sổ mở toang như quảng cáo cho người qua đường trông thấy tủ khám trai và cây nến, lư hương, bộ ngũ sự sáng loáng. Phòng cô dâu chú rể kê bên, giường Hồng Kông gọn đồng, hai câu đối thêu màu đào đặt song song. Đám cưới tiệc mặn, cao lầu Hàng Bưởi hay các nhà làm cỗ thuê đặt cả mâm lên xe tay, đưa đến. Và khác bây giờ, thuê nhà cưới, thuê cỗ bát, thuê được cả bố mẹ vợ, bố mẹ chồng và người đóng vai họ hàng đôi bên, không biết móc đâu ra được những cụ ông đẹp lão, áo gấm trăn ngửi xếp bằng tròn, râu tóc bạc phơ như ông tiên. Cụ bà quàng khăn vuông tua đen nhai trầu bồm bẻm. Họ hàng quần áo càng chảnh chọe, đám cưới càng lộng lẫy. Thời ấy, sẵn lắm, đám cưới thuê người hai họ và đám ma thuê người đi khóc mướn “ôi cha mẹ thiên hạ ơi”, những chuyện thường ngày.

Bao nhiêu cái cũ còn lòng thòng cả đến những năm về sau. Ông lão áo rách lời cả hai bả vai, một bên gánh mấy con dao cùng giẻ rách, cái chậu sành, một bên hòn đá mài. “Ai mài dao kéo ở!” Một ông vác cái sào, tay

xách chiếc thùng tôn. “Nước, nước ở!” Rao làm hiệu cho sang cho sạch chứ thật thì đây là ông lão đi móc cống. Nhà ai cống dâng ra sau vỉa hè, lâu ngày lấp rác bẩn thì gọi đến ông ấy.

Ở Sài Gòn có cách thông cống khác thường. Hơn mười mấy năm trước, tôi vào Sài Gòn, chỗ nhà văn Nguyễn Quang Sáng ở, cả mấy tầng tắc cống bùng bập. Người ta mua một con lươn, lươn sông Sài Gòn dài bằng sải tay, to như con rắn hổ lửa. Con lươn được bỏ vào lỗ cống tầng nhà trên cùng. Chỉ một lát, cống đã ào ào chảy. Cái giống lươn đâm đầu xuống rúc khỏe lắm, tắc mấy cũng phải thông, người ta bảo thế, Nguyễn Quang Sáng bảo vậy.

Một ông xách cái rìu đi lững thững, lặng im. Nhưng chỉ trông thấy cái rìu hàng phố đã biết đây là ông bồ củi. Nhà đun củi ta và áp Tết nấu bánh chưng, các tay búa ở ngoại thành vào đi dong các phố làm cái nghề Thạch Sanh.

Những người quảy bô đi nhặt về đốt những mảnh giấy có chữ Hán. Ai để vương vãi chữ “thánh hiền” thì phải tội, người đem về hóa đi thì được phúc. Tôi chỉ trông thấy từ khi còn nhỏ. Nhưng đã lâu cũng không còn thấy các ông bồ củi, ông móc cống, thông cống, ông mài dao. Chỉ những cậu bé cầm cái sào đầu móc sắt đi kêu cành khô ở hàng cây ven đường bó thành bó thì từ xưa đến nay vẫn thế.

Cái việc nhặt vỏ chai, ống bơ, hành rau muống, các thứ mà người này vứt ra, xả rác, người khác còn dùng lại được thì mỗi ngày mỗi đông. Nhưng đã thay đổi, chuyên môn và “công nghiệp hóa” hơn. Có người chỉ lấy ni lông, mảnh dếp cao su, những thứ ấy bán làm nhựa tái sinh. Có người nhặt giấy – cả giấy vệ sinh bừa bãi như bướm bay ven đê sông Hồng. Báo Người Hà Nội năm trước đăng một phóng sự về người lang thang đã kể: Có một bà cụ người Tày quê huyện Quảng Yên – Cao Bằng lưu lạc về Hà Nội. Đêm ngủ gần cầu Long Biên, ngày đi kiếm giấy vụn bán cân, thế mà để dành được tiền mua đò gửi về cho con trai ở quê. Những đám người này trôi dạt, tụ bạ thành những xóm liêu. Xóm liêu cũng

có nhưng không nhiều bằng các nhóm lũ hành đay đó. Nay ở cửa ga, mai bên hồ Thiên Quang, ngày kia lên công cột nhà hát lớn, nhà bách hóa. Chiều chiều, vợ nào chồng ấy với con cái túm tụm, ríu rít. Cũng khói bếp, cũng quát tháo đánh chửi nhau, cũng ngắt ngưỡng chén rượu rỗng chiếu trải ra bên đường, dưới bóng cây. Phơi phóng và che chắn như ta ở nhà ta vậy.

Dấu sao nghề thợ mộc dơ dáy trên chằng qua cũng là những lần hồi kiểm cái sống phục dịch lẫn nhau ở những nơi quần tụ đô hội mà bây giờ nói chữ phục vụ, dịch vụ. Nhưng có những chuyện là thuộc về tâm thần, cửa tâm thần – thuộc tâm thần con người, cũng như ý nghĩ, như tư tưởng chứ không phải là ấm đun, là cám hấp, điên. Những ai ở thành phố này hẳn nhớ, những năm trước có một chuyện xôn xao một dạo. Trong một ngôi nhà cổ bên số chẵn phố Hàng Bò có hai anh em nhà kia ở với nhau. Đền rằng, từ những năm đói kém, loạn lạc trước năm 1945, ông anh và bà em đã chỉ ở trong nhà. Con cháu hoặc họ hàng đến lễ, đến buổi đưa gạo, đưa rau và gửi thuốc tới. Trong nhà rút chốt cửa mắt bò thò tay ra lấy các thứ rỗng lại sập cửa lại. Bao nhiêu năm sau, cụ anh và cụ em đều đã già. Cụ em ốm rỗng mất. Cụ anh chôn em ở mảnh sân lộ thiên gian giữa, bấy giờ mới vỡ lở cái chuyện ở ẩn kỳ lạ ấy, người ta đưa cụ anh đi nơi khác, và cái huyết bên gốc cây khế đã được lấp lại. Làm sao, ngôi nhà cũ hẹp, tối âm u, hai con người sống âm thầm, chôn vùi nơi đây từ khi còn trẻ đến ngày xuống lỗ. Thành phố lắm cái lạ.

Dấu thế này, cũng là chuyện đã qua – chuyện cũ. Có những chuyện thật cũ, mà cũng thật mới, đấy là chuyện đêm Hà Nội bắt chuột. Một hôm ngồi trò chuyện về phố phường với hai nghệ sĩ nhiếp ảnh Mai Nam và Trịnh Hải mới biết không phải chỉ mình tôi tò mò biết cái chuyện cũ mà mới ấy ở thành phố ta.

Khoảng nửa đêm trở ra, dọc các đại lộ ở đường lớn, ít và xa chỗ nấp, chuột dễ bị bắt lại hiện ra những người như bóng ma, lưng đeo giỏ, tay xách sào và cái vợt. Sào thọc vào miệng rãnh. Những con chuột cống ục ục chạy ra. Vợt chụp xuống. Mai Nam tả nhanh lắm, người ta chịt cổ, bẻ răng

nép lặn giỏ sau lưng.

Chỉ qua mấy phố đã được hàng chục con chuột cống to kèn.

– Rõ tiêu thụ thế nào?

Trịnh Hải và Mai Nam đều cười.

– Chợ Bắc Qua sáng sớm. Và...

– Và gì?

– Các cửa hàng.

– Tôi chưa hiểu.

– Cửa hàng ăn uống nào chẳng cần nước dùng.

– Ủ, mà dầu sao cái nước xuýt chuột cũng có chất thật, hơn là thịt cho mì chính hay bột vị phở. Tôi kể các anh ấy rằng thằng đội xếp Tây ngày trước tóm bỏ bớt những người săn chuột đêm đấy!

Chúng tôi giả vờ làm các nhà chức trách xem giải quyết cái sự thịnh chuột bấy giờ như thế nào. Bảo là mất trật tự trị an? Không phải. Trốn thuế à? Bảng thuế không có mục thuế chuột. Mất vệ sinh? Có thể, nhưng mà lại oái oăm thay, ở thành phố ta, chuột chén bả mãi cũng đâm quen và biết cảnh giác chẳng ăn mấy nữa. Những người đi ăn này đêm nào cũng tiêu diệt được vô khối chuột, mà toàn chuột to. Thế thì tốt cho vệ sinh đường phố chứ sao!

Chịu, không biết thế nào là phải. Nhưng cứ quăng nửa đêm, những cuộc săn bắt chuột bắt đầu. Trên đường, những chuyện cũ chuyện mới, lúc nào cũng chẳng chịt.

LẠI HỌC NÓI NĂNG

Dạo trước báo *Phụ nữ Việt Nam* có nhờ tôi viết một bài nói về ăn mặc, nói năng... Tôi có viết đại khái: Cô giáo là mẫu mực của học trò, là gương trên mặt trẻ em trông vào thì cô giáo, thầy giáo chỉ để ý mặt ấy thôi, nhất thiết ăn mặc, cử chỉ nói năng của nhà thầy phải mẫu mực. Rồi tôi nện một số ví dụ xấu: Không được nói sai hậu lễ thành hậu môn, thân thế sự nghiệp thành thân thế sự nghiệp... (những ví dụ trên là sự thật tai hại đã xảy ra); hoặc cô giáo đứng trên bục giảng quần áo người nhem nhúa, không được ngoáy mũi hay gỡ tóc, cắn, ngửi móng tay...

Tôi không bị bài nào đòn đánh cả. Chỉ có đáng nhẽ bài báo là một thảo luận cũng vô duyên chẳng ai nói lại một câu. Bây giờ vấn đề này mọi người đã thấy ra. Mấy chục năm mấy lớp người không biết lược rau, không biết so đũa, không biết ru con, không biết chào hỏi, vâng dạ, cảm ơn thì bây giờ bị hăng mới biết vấn đề đạo đức, vấn đề nếp sống con người không phải chỉ có xóa bỏ mà phải xây dựng kỹ càng, cái hay thì phải bảo tồn, cái dở cái xấu phải làm cái mới thay thế.

Cho nên có lần tôi đã viết “học ăn học nói” nhưng nói lại cũng không thừa. Lần này tập trung vào cung cách nói cũng là phương pháp xử thế ở một lớp người.

Trước mắt nói về mấy chỗ yếu của cán bộ, tôi cứ nói chung thế, người ta có thể là cán bộ phường xã hay cấp trung ương cũng được. Chẳng đã một thời các vị hay cần quạt giấy, mặc áo lụa mỡ gà, thế là ở tỉnh, ở huyện cũng thấy quạt. Áo lụa bước vào hội trường đi thông thả, giờ hai tay ra hiệu cho mọi người ngồi xuống. Đã thật nhiều lần tôi có việc với các cán bộ các cấp, cán bộ nói năng lễ phép nhưng hai tay chống mạng sườn. Tôi biết là anh ấy không hiểu chống nạnh như thế chỉ có quan trên tỏ vẻ hách dịch hoặc người ta sùng sộ sắp xông vào chửi đánh nhau.

Chẳng gì bất lịch sự hơn cứ vừa nói vừa hỏi: Hiểu chưa? Có hiểu không? Phải không nào? Có thấy không? Biết không? Đúng không?... Nói

cứ ngắt câu bằng không tưởng như tác cổ khạc ra h ầm hứ! H ầm hứ! Ồ! Ồ! À! À... Đứng về mặt tâm lý, đây là cách nói của những người đã mất thói quen lắng nghe, chỉ sốt ruột muốn ngắt lời, cướp lời người khác. Cuốn mất những cuộc trò chuyện bình thường, kể nói đi, người nói lại thú vị, thích thú câu chuyện hoặc chịu khó để tai xem ứng khẩu mình có ai cảm nhận không. Lúc nào cũng tỏ vẻ cán bộ ta đây, cái gì cũng biết và vấn đề gì cũng nói được. Các cụ ta ngày xưa gặp nhau ngang hàng thì vái chào, người có tuổi hoặc bậc trên con cháu chào thì gật đầu. Nhưng dù trên hay dưới đầu một vẻ “tay bắt mặt mừng”. Thời ấy, các cụ thân thiết thì nắm tay, chưa thân tới mới bắt tay kiểu ta bây giờ, nhưng cũng chưa bao giờ người ta chào hỏi giả dối như bây giờ, nhất là các ông có cỡ. Có thân yêu, có mừng, có vui mới “tay bắt mặt mừng” chứ, nhưng hãy để ý mà xem, ở chỗ đông cán bộ thường giơ tay, vờ tay. Người này, người ấy hơn hờ nắm chặt tay thủ trưởng thì thủ trưởng đã nhếch mặt vờ cười dỏm sang người khác rồi. Bắt tay người này nhìn người khác, bắt tay chiếu lệ lịch sự hình thức là người không có văn hóa mà để ý chỉ có anh nước ta mới có. Đã sốt ruột đến một tí, thoáng một cái lại đi ngay thì bắt tay để làm gì? Cứ chấp tay lại giơ lên cao chào một loạt nhanh mà thật, khỏi phải giả vờ chan hòa.

Nói, chào hỏi hãy nhớ đến tư thế, cung cách trò chuyện trao đổi giao lưu: Câu chuyện đến đâu đến đâu do kết quả và thái độ, không do nịnh bợ hay nạt nộ. Có cái lệ kia từ phường xã lên đến trung ương khi không ở vị trí lãnh đạo nữa thì đi hai vai rũ xuống, nói năng dù dờ, người ngờ ngẩn. Bởi vì bây giờ mà ông l ầm l ũi, ông hỏi “có hiểu không” chắc chắn ông ăn cái m ẩng ngay chứ chẳng chơi. Bởi vậy ăn nói và ứng xử hãy như bình thường, người bình thường. Như thế khi mất chức mới khỏi bị h ẩng.

KIỂM DUYỆT BÁO – BÁN BÁO

Tôi bắt đầu làm nhà báo năm 1940 – phóng viên báo *Hà Nội Tân văn*. Một số đi đầu mắt thấy tai nghe lúc bấy giờ và vài năm trước đây.

Trước kia báo ngày, tuần, tháng... phải đưa phòng kiểm duyệt đọc, ký tên đóng dấu từng trang bài đem về mới được in. Riêng báo hàng ngày phải đưa lên tờ báo đã đập thử, bài nào, câu nào bị kiểm duyệt thì về gõ chữ ra. Đến thời kỳ mặt trận bình dân là chính quyền bên Pháp (1936 – 1939) lối kiểm duyệt như trên được bãi bỏ. Thay cách kiểm duyệt, mỗi số báo phải đưa nộp lưu chiểu trước khi phát hành 24 tiếng. Với báo hàng ngày thời hạn ngắn hơn, phạm các quy định ấy sẽ bị phạt, bị tịch thu. Quản lý báo bị truy tố, theo luật pháp người quản lý chịu trách nhiệm trước nhất trước pháp luật chứ không phải chủ nhiệm báo (TBT).

Đến chiến tranh thế giới thứ hai (1939), Pháp lại lập lại phòng kiểm duyệt giống như trước. Báo đưa phòng kia, công chức phòng kiểm duyệt phần nhiều được tuyển từ các giáo viên như: Nguyễn Khắc Mẫn, Giao Chi, Nguyễn Chính... (Cho nên thời kỳ này một số nhà xuất bản muốn chạy việc đã “hối lộ” phòng kiểm duyệt bằng cách in nhiều sách của các ông kiểm duyệt như *Đôi cọ giấy* của Giao Chi, *Rượu cần chẳng uống mà say* của Nguyễn Khắc Mẫn...). Người kiểm duyệt đọc bài rồi ký tên đóng dấu từng trang, chỗ nào bỏ thì gạch chéo bút chì đỏ đánh dấu: kiểm duyệt bỏ. Thời kỳ đầu các báo đem bài về cứ thế in nhưng chỗ kiểm duyệt xóa thì để giấy trắng. Còn nhớ báo *Bạn đường* in một truyện ngắn bị xóa cách quãng hầu hết. Cả một trang báo đầu loang lỗ vài chữ với những khoảng trống để “Kiểm duyệt bỏ”. Báo bị kiểm duyệt cũng đánh giá đổ “danh giá ngàn” cho báo. Nhưng sau phòng kiểm duyệt không cho phép để thế mà phải đăng chữ liền lên, chỉ được để một dòng với một chữ “KD bỏ”. Tiểu thuyết *Giông tố* của Vũ Trọng Phụng đầu tiên in ở *Hà Nội* báo bị kiểm duyệt bỏ nhiều (những đoạn viết tục tĩu), sau tiểu thuyết đổi tên là *Chị Ninh* in tiếp vẫn bị kiểm duyệt không được để trống cả quãng nữa. Mặc dầu vậy cũng

phải đút tiền cho người kiểm duyệt báo mới được in tiếp vài chuyện chỉ đổi có cái tên: Cũng như tiểu thuyết *Thiếu quê hương* của Nguyễn Tuân lúc in hàng kỳ trên báo Hà Nội Tân văn là Thiếu quê. Khi nhà xuất bản Tinh hoa in bỏ một chữ “Thiếu” cái tên “Quê hương” lại thành một nghĩa khác hẳn nhưng vẫn nội dung ấy.

Mỗi tờ báo phải nộp lưu chiểu 6 số, chuyển cho các nơi như sau: *Thư viện Hà Nội, thư viện Sài Gòn, thư viện Pari, sở kiểm duyệt, sở liên phóng (mật thám) Bắc Kỳ, sở liên phóng Đông Dương.*

Việc biểu báo, bán báo thời ấy cũng lắm cái khác lạ bây giờ. Bài gửi báo: một bài thơ, một cái truyện dẫu báo có trang trọng in trang đầu (như trường hợp *Con gà mái ri* của tôi in trang nhất số 1 báo Chủ nhật – trang báo Ngày nay bị cấm) cũng không được nhuận bút và biểu báo. Vì lẽ đơn giản: Tôi gửi bài chứ không phải tòa báo mời. Nếu tòa báo mời thì được biểu báo và trả nhuận bút, báo đã không mời thì anh có viết bao nhiêu, in bao nhiêu đâu không báo biểu, không nhuận bút. Do vậy thời kỳ đầu có bài in trên mấy báo với những bút danh khác nhau cũng vẫn phải mua số báo ấy mà đọc. Mỗi tờ báo đầu là của tư nhân, không có lệ biểu báo người liên quan... Nhưng về nguyên tắc phải gửi báo lưu chiểu và chỉ gửi 6 số như trên kia đã kể, ngoài ra không có lệ biểu báo sở nào, cơ quan nào... của Nhà nước. Chẳng những thế ở mỗi báo chỗ khung đăng giá tiền mua lẻ, mua tháng, mua năm... ở báo nào dòng sau cùng cũng in to tướng: Các công sở giá gấp đôi... Ô hay làm báo thời trước tuyệt vời thế.

Việc phát hành báo cũng khác như hiện nay. Thời ấy không có cơ quan riêng phát hành báo của Nhà nước nhưng các hiệu phát hành sách báo tư nhân thì có ở khắp năm nơi: Bắc, Trung, Nam. Báo ra ở đâu lấy bao nhiêu gửi theo đường bưu điện, báo ế báo chạy tiền hoa hồng nhiều ít thì tổng đại lý đến các đại lý nhỏ đã có thỏa thuận giữa mỗi tòa báo và đại lý của họ.

Việc phát hành sách báo của ta hiện nay cũng đang nhiều đổi khác. Trước kia các hiệu sách và bưu điện của huyện, tỉnh, thành phố được quyền phát hành sách và báo (bưu điện: báo; cơ quan từ trung ương đến cơ

sở: sách). Bây giờ thì lại khác, tôi không biết mấy về các công tác này, chỉ nói mấy hiện tượng, báo Tia sáng có bài của Huỳnh Ngọc Chinh viết về quang cảnh sách báo ở Đà Nẵng trong dịp sắp Tết.

Ở thành phố Đà Nẵng, người cung cấp các tờ báo phía Bắc phía Nam tập trung vào bốn tư nhân làm đại lý phát hành ở Đà Nẵng. Các tư nhân này nhận báo về qua đường tàu hỏa rồi phân phối về các đại lý nhỏ hơn. Các đại lý ấy đưa báo về các quầy và cung cấp cho người bán báo dạo. Kinh doanh sách báo là lĩnh vực mang lại lợi nhuận đáng kể cho các đại lý và đồng thời nuôi sống được khá nhiều lao động. Nhưng mua báo thì vẫn còn nhiều nhiều khê. Giả dụ tôi mua năm báo Nam, mỗi năm bốn lần (quý) tôi ra bưu điện trả tiền, nộp tiền chậm thì cả quý ấy tôi phải mua báo lẻ, ở trong làng hay nơi xa hẻo lánh thì lấy đâu ra sạp báo. Thôi đành nhịn đọc.

Thiết nghĩ việc phát hành sách báo phải luôn đổi mới thế nào chứ – kinh doanh ngày càng khó khăn mà khách hàng vẫn là “Thượng đế”. Cũng là một kênh để phát triển văn hóa (văn hóa đọc). Chứ việc phát hành như hiện nay, như trên thì chắc là chưa phải.

KHAI BÚT XUÂN MỚI

Tôi vừa bước ra từ bờ Hồ Hoàn Kiếm, từ cuộc liên hoan khổng lồ của nhân dân Hà Nội đón chào Xuân mới. Từ khi hòa bình lập lại, cuộc đón mừng Xuân mới, Giao thừa bên Hồ Hoàn Kiếm của người Hà Nội đã thành một phong tục. Quanh Hồ Hoàn Kiếm suốt đêm, nhất là quãng Giao thừa, người ta tập nập vui chơi, đủ mọi lớp người.

Những ngày cuối năm, tôi thường qua nhiều vùng ngoại thành. Ngoại thành Hà Nội trong những ngày cuối năm này bạt ngàn là hoa để đem vào tô điểm ngày Xuân cho thành phố. Hoa huệ trắng bạch từ Cầu Giấy suốt trên cánh đờng đến Cầu Diễn. Hoa đào, hoa cúc chen màu nở đầy từ trại hàng hoa lên Hồ Tây. Nhà sáng tác của Hội Nhà văn trên bờ Hồ Tây, giữa hai làng Quảng Bá và Nhật Tân, có thể nói: Nhà sáng tác Hội Nhà văn chúng tôi ngắm quanh hoa và trong hoa. Và ngoại ô Hà Nội, các công trường nhà máy bên cửa ô bọc đầy hoa.

Cái Tết âm lịch đậm đà trong tình cảm chúng ta. Cái Tết đến khắp nơi trên đất nước, tôi đã từng biết Tết ở Tây Bắc, ở Việt Bắc, Tết ở miền Nam. Tôi nhớ những cái Tết Nguyên đán bình thường trước kia ở Sài Gòn, người chen chân chợ Bến Thành, trên thì trời và dưới thì dưa hấu. Và một ngày Xuân nắng to, người tập nập đi chơi Lăng thấy hoa sen ngày Xuân nở khắp ao hồ. Phong vị Bắc và Nam thật là đặc biệt, nhưng cả Bắc và Nam chỉ quen thuộc một cái Tết mà cả hoa đào hoa cúc, cả dưa hấu với hoa sen, hoa mai, khắp nơi trên đất nước đều đi thăm mộ liệt sĩ, phần mộ ông bà và vui một vui chung.

Thói quen thông thường, hầu như cố lệ, trong một năm mới, những ngày đầu Xuân này, có lẽ ai cũng nhìn lại năm qua, nhìn sang năm mới.

Bước vào ngưỡng cửa năm 1964, mùa Xuân vừa tới, cũng là lúc miền Bắc sang năm thứ tư kế hoạch năm năm, nhà máy điện Ung Bí lớn nhất nước và khu Liên hợp gang thép đầu tiên ở Thái Nguyên đã bước vào sản xuất, những hợp tác xã nông nghiệp tiên tiến miền xuôi, miền núi gương

mẫu của phong trào hợp tác xuất hiện càng ngày càng nhiều. Chủ nghĩa xã hội đang vỗ cánh trên miền Bắc Tổ quốc, không khí thi đua bùng bùng trong tinh thần tự lực cánh sinh xây dựng đất nước đang mở đà cho năm thứ tư kế hoạch năm năm tiến tới hoàn thành rực rỡ thắng lợi. Chủ nghĩa xã hội đang vỗ cánh trên miền Bắc Tổ quốc, chúng ta bước vào những nỗ lực để tiến tới hoàn thành thắng lợi vượt mức kế hoạch năm năm, trong khi mỗi ý nghĩ, mỗi việc làm, từ đồng ruộng tới thành phố, lên rừng núi đầu nhất nhất nghĩ tới vì miền Nam ruột thịt. Bao nhiêu gắng sức trong ý nghĩa một vụ mùa Tây Ninh của Sơn Tây, một đợt cấy chiêm của Hà Nam vì Biên Hòa, cố gắng của hiệu phát hành sách vì Hà Nội – Huế – Sài Gòn kết nghĩa, một thứ bầy đẫy mạnh sản xuất vì miền Nam ruột thịt của nhà máy xe lửa Gia Lâm, nhà máy chung quy mô. Mỗi phút giây, miền Nam đất nước đâu ở trong tim, trong mỗi hành động của từng người đang phấn đấu trên miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Cũng là thói quen thông thường xưa nay của mỗi người Việt Nam, chúng ta nghĩ về Nam bởi vì ngày Xuân đất trời đang đến khắp nơi trên đất nước. Mùa Xuân này, khí thế chiến đấu chống đế quốc Mỹ và tay sai của nhân dân miền Nam từ rừng núi Tây Nguyên xuống đồng bằng sông Cửu Long đến các đô thị đang sôi sục mãnh liệt hơn bao giờ hết. Từ trận Ấp Bắc vang dội thế giới, quân dân ta vượt lên ngày nay, đập gãy xương sống kế hoạch dãn dân lập ấp chiến lược của Sta-lây, tiến tới những trận lớn như trận chống càn vào Thanh Phú, tiêu diệt tới 500 tên địch, bắn và đánh rơi hàng chục máy bay và tàu chiến. Các vùng tạm chiến đang co lại, sau cuộc đảo chính 1/11 và sau những cuộc đảo chính chắc chắn sẽ tiếp theo nữa mà đế quốc Mỹ tưởng như có thể cứu được tình thế, nhưng kì thực số phận chúng lại rồi bời, lại tối tăm hơn nữa. Cuộc đảo chính thứ hai mới đây (và còn những cuộc đảo chính nữa) của tay sai Mỹ đã làm là một ví dụ nóng hổi. Nó càng phơi bày tất cả bộ mặt xấu xa ghê tởm của đế quốc Mỹ và bọn tay sai trong một con đường hãm không lối thoát. Nhưng chính nó cũng càng làm cho bà con ta càng thấy rõ cái ngày diệt vong của

tất cả bọn chúng, đế quốc Mỹ cũng như tay sai.

Cái tốt của nhân dân ta ở Bắc cũng như ở Nam, mỗi công việc của chúng ta đương mở đầu hay đương tính sổ vào lúc sang Xuân này. Ngày hôm nay, Xuân mới tung bừng đi giữa Hà Nội mừng Xuân, ngòi bút và tâm tư chúng tôi mang nặng hai vai nhiệm vụ xây dựng miền Bắc làm hậu thuẫn cho cuộc chiến đấu của miền Nam. Trong nét hân hoan của xuân mới giữa thủ đô Hà Nội, một ý nghĩ, một việc làm, một câu thơ, một nét bút đầu mang hình ảnh thấm thiết ruột thịt của người chiến sĩ miền Nam đương qua một mùa Xuân chiến đấu, một mùa Xuân đầy gian khổ nhưng nức lòng hy vọng cho tới một mùa Xuân đã sạch bóng kẻ thù trên đất nước, cho Xuân thực là Xuân được trở về đất Sài Gòn, mà đã từ lâu rồi, dưa hấu và hoa sen, hoa mai đã không còn làm vui gì được một ngày nắng Xuân nào của phương Nam.

Vừa đúng ngày cuối năm vừa qua, tôi được đọc một truyện ngắn từ miền Nam gửi ra, truyện của nhà văn Thủy Thủ. Các bạn đọc Sài Gòn, nhất là bạn đọc trong binh lính chế độ Mỹ và tay sai, chắc không lạ nhà văn trẻ Thủy Thủ. Nhưng tôi vừa đọc Cuộc chiến đấu của anh Mười. Truyện ngắn của Thủy Thủ miêu tả một trận đánh hết sức gan dạ của một nông dân trong ấp chiến lược. Nhà văn Thủy Thủ năm trước ở Sài Gòn; nhà văn Thủy Thủ năm nay đã ở khu Giải phóng.

Đọc truyện cuối năm của bạn xa chưa gặp mặt nhưng xiết bao gần gũi đã từ tiền tuyến máu lửa của cả nhân loại vì hòa bình chống đế quốc Mỹ, gửi tới, đọc truyện cuối năm của một con người vừa ra khỏi vùng tạm chiến, vừa rời bỏ cái kiềng tỏa tư tưởng của đế quốc Mỹ và tay sai, đến vùng tự do, vượt lên trên muôn vàn gian khó để được sống với lý tưởng thiết tha nhất của thời đại, sống và cống hiến vì tuổi trẻ của chính mình. Tôi nghĩ rằng đó là con đường của giới trí thức miền Nam đương suy nghĩ và bước tới.

Tôi nhớ đến trước đây, cũng vào một ngày đầu Xuân này, tôi có nhờ Đài tiếng nói Việt Nam gửi một thư năm mới cho một bạn nhà văn mà cũng

là trò chuyện với nhiều bạn trí thức quen biết và chưa quen biết đương ở miền Nam. Lá thư năm năm trước gửi đi, tôi tưởng như tiếng nói của tôi vào giữa Sài Gòn đương quay cuồng, một Sài Gòn âm thầm bế tắc, đơn độc, mà ở đấy con người cũng không cất nghĩa nổi sự tồn tại của mình, mà ở đấy các bạn cùng nghề của tôi, những người trí thức trong mọi ngành hoạt động, có những người lạc đường, có những người đã nhận ra thực sự mình bị lừa dối.

Nhưng, đến mùa Xuân này, tôi lại gửi thư trò chuyện với nhiều bạn trong dịp năm mới. Hôm nay không phải tôi chỉ có bạn ở Sài Gòn. Không phải người trí thức ở miền Nam chỉ còn bị tù túng ở Sài Gòn. Các bạn tôi bây giờ ở khắp miền Nam. Có những bạn, nhiều bạn, như nhà văn Thủy Thủ đã vào các vùng tự do, sát cánh chiến đấu trong hàng ngũ quân giải phóng. Có những bạn tuy ở Sài Gòn, nhưng nhà thơ ấy không phải nhà thơ năm năm trước. Những biến chuyển của tình thế mấy năm nay, những thói tha ghê tởm phơi bày cái thực chất chế độ của đế quốc Mỹ và tay sai, những điếu thử nghiệm của chính bản thân các anh ấy đã nói rõ rằng chúng ta không thể nào đứng yên, chúng ta không thể đành lòng phá hủy chính đời mình. Lương tâm đương thúc giục chúng ta. Cho tới ngày nay, các anh đã thoát ly hay các anh còn ở thị trấn chúng ta đều đã biểu thị thái độ bằng mọi cách dứt khoát, vạch mặt cái văn hóa lừng gạt, bịp đời do đế quốc Mỹ và tay sai bày đặt ra. Được như ngày nay, quả là thời gian đã ủng hộ chúng ta nhiều, chúng ta tin rằng chính nghĩa đương chói lòa, đội ngũ văn nghệ sĩ miền Nam trong hàng ngũ chiến đấu vì sự nghiệp của Tổ quốc sẽ càng ngày càng rộng khắp và đông đảo hơn nữa.

Điếu đó chính đương là sự thật mỗi ngày hết sức phấn khởi. Mỗi ngày, mỗi giờ trên đài phát thanh giải phóng và cả trên Đài tiếng nói Việt Nam, trên báo chí cả ở miền Bắc, tôi nghe, tôi đọc càng ngày càng nhiều tác phẩm của các nhạc sĩ, các nhà văn nhà thơ, nhà soạn kịch miền Nam, và tôi đã biết tin nhiều bạn trí thức đã vượt khỏi vòng áp chế của kẻ địch. Những tiếng hét lên chiến đấu ấy đã biểu hiện đội ngũ trong cả nước chúng ta

đương mau chóng lớn mạnh.

Mùa Xuân này đến. Mùa Xuân đương tung bừng đến. Trong đà tiến lên của cuộc chiến đấu, cũng như các bạn được ở miền Nam, lòng chúng ta tung bừng, mạnh mẽ tin tưởng như bước vào Xuân mới.